

• BIÊN DỊCH ANH - VIỆT, VIỆT - ANH
• TÌM HIỂU VĂN HÓA VIỆT NAM

CHỦ BIÊN
Hữu Ngọc
Lady Borton

CHÈO POPULAR THEATRE



VIETNAMESE CULTURE
FREQUENTLY ASKED QUESTIONS



THẾ GIỚI

Thế Giới Publishers

CHÈO
POPULAR THEATRE

CHỦ BIÊN
HỮU NGỌC - LADY BORTON

THAM KHẢO BIÊN DỊCH
VĂN HÓA VIỆT NAM

CHÈO

Tái bản lần thứ nhất

NHÀ XUẤT BẢN THÊ GIỚI
Hà Nội - 2008

GENERAL EDITORS
HUU NGOC - LADY BORTON

FREQUENTLY ASKED QUESTIONS
ABOUT VIETNAMESE CULTURE

POPULAR THEATRE

Second Edition

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI
Hà Nội - 2008

Copyright © 2003 by Thế Giới Publishers
Bilingual Series
Printed in Việt Nam

Thế Giới Publishers would like to acknowledge the following for the use and adaption of their material: *Lao Động, Thanh Niên, Nhân Dân, Sài Gòn Tiếp Thị, Hà Nội Mới, Tuổi Trẻ Chủ Nhật, Sài Gòn Giải Phóng Thứ Bảy, Xưa và Nay, Phụ Nữ Việt Nam, Du Lịch Việt Nam, Thông Tấn Xã Việt Nam, Việt Nam News, Vietnam Investment Review and Vietnam Economic Times.*

Chủ biên (*General Editors*):

Hữu Ngọc, Lady Borton

Hội đồng biên tập (*Editorial Council*):

Hàm Châu, Hữu Tiến,

Andrew Wells-Dang, Brenda Paik Sunoo,

Minh Tâm, Ngô Bích Thuận, Kim Tuyền, Vân Chi,

Đặng Việt Vinh, Xuân Hồng

Trợ lý biên tập (*Assistant Editors*):

Xuân Hồng, Đặng Việt Vinh

MỤC LỤC

I. NGUỒN GỐC	12
- Ở Việt Nam có các loại hình sân khấu nào?	12
- Ở Việt Nam chèo được yêu thích như thế nào?	12
- Chèo có nguồn gốc từ đâu?	14
- Các đặc trưng nổi bật của chèo là gì?	16
- Nhân vật trong chèo có những đặc điểm gì?	20
- Kỹ thuật kịch nào được sử dụng trong chèo?	22
- Người dân nông thôn tham gia vào biểu diễn chèo như thế nào?	26
II. CÁC VỞ CHÈO PHỔ BIẾN	30
- Thành ngữ “Oan Thị Kính” bắt nguồn từ đâu?	30
- Tại sao những người bạn tốt lại hay được ví như Lưu Bình và Dương Lễ?	34
- Tại sao phụ nữ bội bạc lại được ví với Thiệt Thê?	36

CONTENT

I. BACKGROUND	13
- What are the different forms of Vietnamese theatre?	13
- How popular is <i>chèo</i> in Việt Nam?	13
- What are the origins of <i>chèo</i> ?	15
- What are the dramatic characteristics of <i>chèo</i> ?	17
- What characteristics are typical of <i>chèo</i> characters?	21
- What dramatic techniques are used in <i>chèo</i> ?	23
- How are villagers involved in a performance?	27
II. POPULAR PLAYS	31
- What is the origin of expression “the wronging of Thị Kính”?	31
- Why are good friends compared with Lưu Bình and Dương Lễ?	35
- Why is an unfaithful woman compared with Thiệt Thê?	37

- Cảnh “Xúy Vân giả dại” nổi tiếng trích từ vở nào? 38
- III. DIỄN VIÊN CHÈO** 40
- Diễn viên chèo nào có cuộc đời truân chuyên nhất? 40
- Diễn viên chèo nào lấy chồng ngoại quốc những năm 1940? 48
- Đầu những năm 1960, ai đóng vai Xúy Vân đạt nhất? 52
- Những nghệ sĩ nào đại diện cho bốn thế hệ đóng vai Thị Mầu gần đây? 56
- Thanh Hoài trở thành diễn viên chèo chuyên nghiệp như thế nào? 60
- Tào Mạt có đóng góp gì cho sự phát triển của chèo thời hiện đại? 64
- Nhà nghiên cứu nào tự học chèo? 68
- IV. ÂM NHẠC CHÈO** 72
- Âm nhạc trong chèo bắt nguồn từ đâu? 72
- Hát chèo như thế nào? 72
- Trong chèo, diễn viên có được bề lằn nắn điệu không? 74

- Where does the famous scene “Xúy Vân feigns madness” come from? 39

III. ARTISTS 41

- Which *chèo* artist has the most dramatic life story? 41
- Which *chèo* actress married a foreigner during the 1940s? 49
- Who was the best known actress for the role of Xúy Vân in the early 1960s? 53
- Who represent the four recent generations of *chèo* actresses in the role of Thị Mầu? 57
- How did Thanh Hoài become a professional *chèo* actress? 61
- What has been Tào Mạt’s contribution to the development of *chèo* in modern times? 65
- Which researcher trained himself in the art of *chèo*? 69

IV. MUSIC 73

- What is the origin of *chèo* music? 73
- How should *chèo* songs be sung? 73
- Can performers change the lyric and melody of a *chèo* song? 75

- Nhạc cụ chính dùng trong chèo là gì? 74

V. LÀNG CHÈO 76

- Một trong những chiếu chèo thành công nhất là chiếu chèo làng nào? 76
- Làng nào đóng góp nhiều diễn viên chèo chuyên nghiệp cho các đoàn chèo? 82

VI. TƯƠNG LAI PHÁT TRIỂN 86

- Tại sao hiện nay chèo lại gặp khó khăn? 86
- Chèo có cơ hội tồn tại đến đâu? 92
- Nhiệm vụ của Nhà hát Chèo Việt Nam là gì? 98

- **TỪ VỰNG** 100

What are the main musical instruments for <i>chèò</i> ?	75
V. CHÈÒ VILLAGES	77
- Which is one of the most successful <i>chèò</i> village troupes?	77
- Which village has contributed many artists to professional <i>chèò</i> theatre companies?	83
VI. FUTURE DEVELOPMENT	87
- Why is <i>chèò</i> currently in crisis?	87
- How good are <i>chèò</i> 's chances of survival?	93
- What is the mission of the Việt Nam <i>Chèo</i> Theatre Company?	99
- GLOSSARY	100

I. NGUỒN GỐC

Ở Việt Nam có các loại hình sân khấu nào?

Tuồng và chèo là hai loại hình nghệ thuật sân khấu truyền thống của Việt Nam. Tuồng bắt nguồn từ Trung Quốc, chịu ảnh hưởng của Kinh kịch. Tuy nhiên, chèo hoàn toàn của Việt Nam. Nếu sân khấu truyền thống Trung Quốc có đại diện tiêu biểu là Kinh kịch của Bắc Kinh và sân khấu Nhật Bản là kịch nô, thì đại diện tiêu biểu nhất của sân khấu truyền thống Việt Nam là chèo.

Ở Việt Nam chèo được yêu thích như thế nào?

Trước Liên hoan Nghệ thuật Chèo truyền thống toàn quốc lần thứ nhất tổ chức ở thành phố Hạ Long tỉnh Quảng Ninh từ ngày 15 đến 23 tháng 10 năm 2001 chèo vẫn chưa được yêu thích như trước kia. Tham gia liên hoan có trên 700 nghệ sĩ đến từ 14 đoàn chèo với 15 vở.

Tuy mức sống ở Việt Nam đã được cải thiện từ khi tiến hành đổi mới năm 1986, nghệ thuật truyền thống nói chung và chèo nói riêng vẫn bị thờ ơ, không cạnh tranh được với các loại hình giải trí hiện đại như truyền hình và ca nhạc phương Tây. Các buổi biểu diễn chèo thường không có khán giả. Doanh thu bán vé giam buộc các nhà quản lý phải xén bớt vở diễn thành các trích đoạn. Thậm chí các làng quê hương của chèo cũng không thu hút được khán giả. Thanh niên, nhất là thanh niên thành thị, quay lưng lại với loại hình nghệ thuật này.

I. BACKGROUND

What are the different forms of Vietnamese theatre?

Tuồng and *chèo* are both Vietnamese traditional theatrical art forms. Vietnamese *tuồng* originated in China and was influenced by Chinese opera. *Chèo*, however, is authentically Vietnamese. If Chinese traditional theatre is exemplified by Beijing opera and Japanese theatre by *noh* dramas, then traditional Vietnamese theatre is best represented by *chèo*.

How popular is chèo in Việt Nam?

Chèo hasn't always been as popular as it was at the First National Traditional *Chèo* Festival, held in Hạ Long City, Quảng Ninh Province from October 15-23, 2001. Over 700 artists from fourteen *chèo* companies attended, performing fifteen plays among them.

Even though the quality of life in Việt Nam has improved since Renovation began in 1986, traditional art in general and *chèo* in particular have met indifference and have failed to compete with more popular entertainments such as Western music and TV. *Chèo* performances in the cities have often played to empty houses. Reduced box office revenues forced managers to trim the plays to only excerpts. Even villages where *chèo* originated were unable to attract audiences. Young people, especially those in the cities, turned their backs on the art form.

Do tình hình quá bi đát, các nhà tổ chức liên hoan ở thành phố Hạ Long không hy vọng thu hút đông đảo sự quan tâm chú ý. Nhưng họ đã phải kinh ngạc.

Vậy tại sao liên hoan lại thành công đến vậy? Có lẽ một phần là do liên hoan quay trở về với nguồn cội của chèo. Các nghệ sĩ chỉ biểu diễn thể loại chèo truyền thống, đích thực. Trong chương trình không có vở chèo hiện đại nào. Liên hoan cũng mang lại cho những người tham gia cơ hội nhìn lại và đánh giá các vở chèo cổ Việt Nam qua các phiên bản đã cải biên, để từ đó quyết định nên lưu giữ yếu tố nào và gạt bỏ bớt cái gì. Mục đích là để biểu diễn chèo truyền thống nhưng vẫn bảo đảm có liên hệ hợp lý với cuộc sống hiện đại của người Việt Nam.

Chèo có nguồn gốc từ đâu?

Từ thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên, đồng bằng châu thổ sông Hồng luôn là cái nôi của nền văn minh lúa nước của người Việt với một nền văn hóa dựa trên yếu tố làng. Khi nông dân gặt xong, họ tổ chức các lễ hội để vui chơi và cảm ơn thần thánh đã phù hộ họ. Họ biểu diễn các vở chèo đầu tiên trên sân đình thờ thành hoàng làng.

Trống đồng là một phần của văn hóa cổ Việt Nam. Trải qua mấy thiên niên kỷ, nông dân vẫn thường đánh trống để cầu mưa. Cho nên không có gì ngạc nhiên khi nhạc cụ chủ yếu của chèo là trống chèo.

Chèo bắt nguồn từ âm nhạc và múa dân gian, nhất là trò nhại, từ thế kỷ thứ 10. Trò nhại thể hiện cuộc sống của người bình dân cũng như các thành viên hoàng tộc. Qua thời gian, các tác giả phát triển các

The situation was so critical that the Hà Long City festival organisers weren't expecting to attract much interest. They were in for a big surprise.

So why was the festival so successful? One reason seems to be because the festival returned to the origins of *chèo*. Artists performed only traditional, authentic *chèo*. The programme included no modernised plays. The festival also provided an opportunity for those involved to review and assess Việt Nam's classical *chèo* plays through edited and adapted versions and then decide which elements to preserve and which to let go. The intent was to perform traditional *chèo* yet ensure that the performance related as appropriately as possible to contemporary Vietnamese life.

What are the origins of chèo?

Since the first millennium B.C., the Red River Delta has been the cradle of the Việt people's wet-rice-growing civilisation within a culture reliant on villages. When farmers finished harvesting, they organised festivals to entertain themselves and thank the gods who had supported them. They presented the first *chèo* dramas in the courtyards of communal houses dedicated to the village tutelary god (*thành hoàng*).

Bronze drums were part of ancient Vietnamese culture. For millennia, farmers have beaten drums to ask the gods for rain. It is not surprising, therefore, that the central musical instrument of *chèo* is the drum.

Chèo originated in the tenth century from folk music and dance, especially *trò nhại* – simple mimetic skits. These skits showed the lives of

tích chuyện ngắn của chèo dựa trên các trò nhại này thành các vở diễn trọn vẹn dài hơn.

Việc người Việt Nam bắt giữ một binh sĩ quân đội Mông Cổ thế kỷ 14 đóng vai trò quan trọng nhất trong sự phát triển của chèo. Binh sĩ này vốn là một diễn viên nên đã đưa nghệ thuật Kinh kịch Trung Quốc vào Việt Nam. Trước kia chèo có phần nói, đôi khi ngâm cả các bài dân ca, nhưng không có hát. Do ảnh hưởng của người lính bị bắt giữ, chèo trở thành kịch hát.

Vào thế kỷ 15, vua Lê Thánh Tông, do chịu ảnh hưởng sâu sắc của đạo Khổng, không cho phép biểu diễn chèo trong cung đình. Do không được triều đình ủng hộ, chèo trở về với những người hâm mộ ban đầu là nông dân, kịch bản lấy từ truyện viết bằng chữ nôm. Tới thế kỷ 18, hình thức chèo này đã có ảnh hưởng rộng rãi. Chèo tiếp tục phát triển và đạt đến đỉnh cao vào cuối thế kỷ 19.

Các đặc trưng nổi bật của chèo là gì?

Chèo và múa rối nước là hai sản phẩm độc đáo của nền văn minh châu thổ sông Hồng, nhưng chèo là loại hình nghệ thuật tinh tế hơn. Các vở chèo thường vui nhộn, trữ tình và kết thúc có hậu.

Không giống tuồng chỉ ca tụng hành động anh hùng của các thành viên giới quý tộc, chèo mô tả cuộc sống bình dị của người dân nông thôn. Chèo nói lên khát vọng của người nông dân về một cuộc

ordinary people as well as members of the royal family. Over time, writers consolidated *chèo*'s short stories based on these skits into longer, united plays.

Most significant in this development was the Vietnamese capture of a soldier from the Mongolian army in the fourteenth century. The soldier was an actor who introduced Chinese opera to Việt Nam. Previously, *chèo* involved speaking and sometimes the rhythmic reciting of folk poems but no singing. As a result of the captured soldier's influence, *chèo* turned into *kịch hát* or sung drama.

In the fifteenth century, King Lê Thánh Tông, who was deeply influenced by Confucianism, restricted the performance of *chèo* in his court. Without royal patronage, *chèo* returned to its original supporters, the farmers. It drew on *nôm* stories, which were Vietnamese verse narratives written in modified Chinese characters. By the eighteenth century, this form of *chèo* had become widely influential. *Chèo* continued to develop and reached its peak by the end of the nineteenth century.

What are the dramatic characteristics of chèo?

Chèo and water puppetry are unique products of the Red River Delta civilisation, but *chèo* is the more refined art form. *Chèo* plays are funny and lyrical and end happily.

Unlike *tuồng*, which extols the epic deeds of members of the aristocracy, *chèo* describes the life of ordinary country people. It gives voice to farmers' aspirations for a peaceful life in the midst of an unjust,

sống thanh bình giữa một xã hội phong kiến đầy rẫy bất công. Rất nhiều vở chèo thể hiện cuộc sống vất vả của người phụ nữ sẵn sàng hy sinh bản thân vì người khác.

Chèo thể hiện khát khao vươn tới hạnh phúc và một xã hội hòa thuận. Cái thiện luôn chiến thắng trong cuộc đấu tranh với cái ác. Các sĩ tử tốt bụng, hiền lương luôn đỗ đạt, làm quan. Người vợ tiết nghĩa luôn được đoàn tụ với chồng.

Các thông điệp đạo đức của chèo phản ánh lòng từ bi hỉ xả của Phật giáo và đức hạnh của Khổng giáo, trong đó có cả sự đề cao của Khổng giáo đối với quan hệ xã hội hòa hợp. Mẹ kế phải yêu con riêng của chồng. Mẹ chồng, nàng dâu phải sống hòa thuận với nhau. Bạn bè nên đối xử với nhau như người trong một nhà.

Chúng ta sẽ xem xét một số vở chèo cổ để hiểu về các chủ đề của chèo. Ví dụ, vở *Quan Âm Thị Kính* kể về một cô gái nết na tên là Thị Kính. Cô là nạn nhân của một nỗi oan khuất điển hình nhưng lại trở thành Bồ Tát. Vở *Lưu Bình Dương Lễ* nói về tình bạn giữa hai thư sinh và tình chung thủy của hai vợ chồng, nhờ đó các nhân vật chính vượt qua mọi khó khăn.

Trong vở *Chu Mãi Thân*, người vợ tên là Thiệt Thê ham giàu sang bỏ chồng đi lấy lẽ một vị quan. Người vợ căm hận ghen của viên quan đè nén cô khiến Thiệt Thê chết một cách ô nhục. Xúy Vân trong vở *Kim Nham* có chồng xa nhà. Một gã lái buôn đến tán tỉnh Xúy Vân. Xúy Vân giả điên để bỏ chồng và cuối cùng tự vẫn do bị ruồng bỏ.

Khán giả thường không phán xét Thiệt Thê và Xúy Vân vì tự cách cư xử của hai nhân vật này đã

feudal society. Many of the plays also show the harsh lives of women ready to sacrifice themselves for others.

Chèo embodies a desire for happiness and a harmonious social world. Good inevitably wins in the struggle between good and evil. Kind-hearted and gentle students always pass their exams and become mandarins, and the faithful wife is always united with her husband.

Chèo's moral messages reflect the benevolence of Buddhism and the virtues of Confucianism, including the latter's emphasis on harmonious social relationships. Step-mothers must love their husbands' children. Mothers-in-law and daughters-in-law must live in harmony. Friends should treat one another as if they were members of the same family.

An examination of a number of classical *chèo* plays provides an understanding of *chèo's* themes. *Thị Kính, the Goddess of Mercy* (Quan Âm Thị Kính), for example, is a story about a good woman, Thị Kính. She is the victim of a glaring injustice yet becomes a Bodhisattva. *Lưu Bình and Dương Lễ* is about how the friendship between two students and about fidelity between husband and wife allows the main character to overcome all difficulties.

In *Chu Mãi Thân*, the wife, Thiệt Thê, so craves a rich life that she leaves her husband to become the concubine of a mandarin. The mandarin's jealous wife bullies her; Thiệt Thê dies in ignominy. Xúy Vân in the play *Kim Nham* has a husband who is a long way from home. A merchant seduces her; she feigns madness to leave her husband and finally kills herself after being abandoned.

lên án họ. Thay vào đó khán giả cảm thông với Thiệt Thê và Xúy Vân vì họ thể hiện khát vọng yêu đương của phụ nữ trong một xã hội bị đạo đức Khổng giáo kìm hãm.

Nhân vật trong chèo có những đặc điểm gì?

Đó là sự rập khuôn. Nhân vật trong chèo mang tính ước lệ, chuẩn hóa. Không giống các nhân vật trong kịch nói, tính cách và tâm lý nhân vật trong chèo không thay đổi trong suốt vở. Họ là lão say, thầy đồ điếc, phú ông, thừa tướng, thư sinh, đào lẳng, hề. Những nhân vật phụ của chèo có thể đổi đi lắp lại vào bất cứ vở nào, nên hầu như không có tên riêng. Tuy nhiên, qua thời gian, một số nhân vật như Thị Kính, Thị Mầu và Thiệt Thê đã thoát khỏi tính chất ước lệ vô danh ấy mà trở thành các cá tính mạnh mẽ.

Vai hề đóng vai trò quan trọng trong các vở chèo vì trào lộng là một đặc trưng của loại hình nghệ thuật này, tương tự như sân khấu cổ truyền các nước Đông-Nam Á khác. Hề cốt mua vui cho khán giả, nhất là trong các vở có cảnh buồn. Theo quan niệm sân khấu Shakespeare, đời là sự pha trộn của hạnh phúc và khổ đau. Trong chèo, vai hề và các cảnh vui cười là dịp



Audiences tend not to judge *Thiệt Thê* and *Xuy vãn* because the characters' own behaviour condemns them. Instead, audiences sympathise with the characters, who express women's aspirations for love in a society constrained by Confucian morality.

What characteristics are typical of chèo characters?

Stereotyping. The characters in *chèo* are conventional and standardised. Unlike the characters in spoken drama, their personalities and psychology don't change during the play. They are drunken men, deaf teachers, wealthy men, prime ministers, students, flirtatious women, and buffoons. *Chèo's* minor characters are so interchangeable among the plays that most of these parts have no names. However, over time some of these characters – such as *Thị Kính*, *Thị Mầu*, and *Thiệt Thê* – escaped from convention and anonymity to become strong personalities.

Buffoons play an important role in *chèo* plays because satire is a characteristic of the genre, as it is on the traditional stages of other Southeast Asian countries. Buffoons amuse audiences, especially in sad stories. According to Shakespearean tradition, life is a mixture of happiness and sadness. In *chèo*, buffoons and funny scenes are an opportunity for ordinary people to lash out at the vices of a feudal society, its kings, mandarins, village officials, and the rich. *Chèo's* buffoons were free to ridicule just as the fools did in the royal palaces of European kings. For example, *Chu Mãi Thần* has a hilarious

để cho người dân đả kích những thói hư, tật xấu của xã hội phong kiến, kể cả vua quan, những người có quyền, có của trong xóm làng. Hề chèo được phép chế nhạo thoải mái cũng như những anh hề trong cung điện của vua chúa châu Âu. Ví dụ trong vở *Chu Mãi Thần*, có một cảnh rất vui nhộn: bà vợ cả của quan Tuần Ty đánh ghen với vợ lẽ.

Có hai loại nhân vật trào phúng trong chèo: loại chính là hề, bao gồm *hề mới* (hề nhảy múa không dùng gậy) và *hề gậy* (hề nhảy múa với gậy), thường là người hầu. Loại thứ hai có thể xuất hiện trong nhiều vai khác nhau, chẳng hạn như thầy bói, cô đồng, lão say, xã trưởng. Đôi khi những nhân vật này gây ra tiếng cười không liên quan trực tiếp đến vở diễn, vì hề (hay thầy bói, lão say, v.v.) có thể bình luận về các nhân vật, về xã hội nói chung.

Trào lộng trong chèo luôn gắn với trữ tình. Trữ tình cũng là một đặc trưng quan trọng khác của chèo, vì chèo thể hiện một cách thấm thiết những xúc cảm và tình cảm cá nhân của con người, phản ánh mối quan tâm chung của nhân loại: tình yêu (như các nhân vật Thị Mầu và Châu Long thể hiện), tình bạn (như Lưu Bình và Dương Lễ), tình thương (như trong *Quan Âm Thị Kính*). Các nhân vật, đặc biệt là phụ nữ, đấu tranh với số phận, gắn với bi kịch Hy Lạp, trừ tính hài hước và phần kết có hậu.

Kỹ thuật kịch nào được sử dụng trong chèo?

Kỹ thuật tự sự. Chèo là tiếng nói của nông dân ở châu thổ sông Hồng. Chuyện trong chèo khác với chuyện trong sân khấu cổ điển châu Âu vốn được phát triển từ Aristotle. Không giống văn kể chuyện châu Âu chọn

scene in which the first wife of local official *luân* ly gets into a jealous quarrel with the second wife.

There are two types of satiric characters in *chèo*. The main one is the buffoon, including *hề mồi* (buffoon dancing without a stick) and *hề gậy* (buffoon dancing with a stick), who is often a servant. The second type may appear in various roles, such as fortune-teller, medium, drunkard, or village chief. Sometimes these characters provoke laughter that is not directly related to the play, since the buffoon (or the fortune-teller or drunkard, etc.) may comment on characters and incidents in society at large.

Satire in *chèo* is always linked to romance, another significant feature. *Chèo* is romantic because it expresses people's individual emotions and feelings and reflects the common concerns of all people: their concern for love (as expressed by the characters *Thị Mầu* and *Châu Long*), for friendship (represented by *Lưu Bình* and *Dương Lễ*), and for compassion (as found in *Thị Kính, the Goddess of Mercy*). Characters, especially women, struggle with fate, making *chèo* similar in some ways to Greek tragedy, except for the humour and happy ending.

What dramatic techniques are used in chèo?

Narrative. *Chèo* gives voice to the farmers of the Red River Delta. Its stories differ from those of the classical European theatrical tradition, which evolved from Aristotle. Unlike European narratives, which choose a

một sự kiện có kịch tính trong cuộc đời một nhân vật, đi theo sự kiện đó để rút ra kết luận tất yếu, câu chuyện về các nhân vật chèo diễn ra qua vô số cảnh và hoạt động xuyên suốt cuộc đời của nhân vật nam hay nữ ấy. Do đó, ta không thấy sự thống nhất về thời gian, địa điểm, hành động của Aristotle trong chèo.

Phương pháp kể không hiện thực mà dựa vào ước lệ và cách điệu hóa, giống trong tuồng và sân khấu theo phong cách Bertolt Brecht. Trong chèo cũng mang đậm nét kể chuyện, tự sự. Những đặc điểm này chi phối ngôn ngữ trong chèo. Các trò nhại ngày trước lồng ghép cả hát, múa, điệu bộ, lời nói. Từ đó hình thành các mảnh trò trong cuộc sống của nhân vật. Khi gộp lại, những mảnh trò này tạo ra thân trò.

Chèo không có cấu trúc cố định năm hồi một kịch như trong sân khấu Aristotle. Các nghệ sĩ chèo thường ứng diễn. Do đó vở diễn kéo dài hay cắt ngắn tùy thuộc vào cảm hứng của người nghệ sĩ hay đòi hỏi của khán giả.

Ứng diễn rất quan trọng bởi vì chèo là một loại hình nghệ thuật kết hợp cả nói, hát, múa và âm nhạc để kể



dramatic event in the life of a character and follow it to its inevitable conclusion, stories involving *chèò* characters unfold through numerous scenes and activities throughout the hero's or heroine's life. As a result, one doesn't find Aristotle's dramatic unity of time, place, and action in *chèò* drama.

Chèo's narrative method is not realistic but instead is based on conventions and stylisation, similar to *tuồng* and Brechtian staging. *Chèo* is also rich in folk stories and narration. These characteristics determine *chèò*'s language. Early skits incorporated songs, dances, gestures, and speech. From these came scenes in the lives of the characters. When combined, these scenes formed the body of the play.

Chèo does not have the fixed structure of five-act plays, as is the case in the Aristotelian theatrical tradition. Rather, *chèò* artists frequently improvised during their performance. The play was extended or cut depending on the inspiration of the artists or the requirements of the audience.

Improvisation is important because *chèò* is an art form that combines speech, singing, dancing, and music to tell a story. Speech may be combined with poems and folk songs. Poems often have two parts and four sentences, with characters displaying their own way of reciting lines. When singing, artists must pronounce their lines clearly (*chèò* differs from *tuồng* in this respect) to express the character's feelings. Unlike European opera in which a singer must memorise arias and perform them according to the directions of the conductor, *chèò* artists are free to modify their songs to convey



chuyện. Nói có thể kết hợp với thơ và dân ca. Thơ thường có hai vế, bốn câu. Các tính cách có cách ngâm riêng. Khi hát, các nghệ sĩ phải phát âm rõ chữ (chèo khác với tuồng ở điểm này) để biểu lộ tình cảm của nhân vật. Không giống ô-pê-ra châu Âu buộc ca sĩ phải thuộc lòng từng lời và hát theo

nhạc trưởng chỉ huy, các nghệ sĩ chèo được phép tự do bề lân, nắn điệu để thể hiện xúc cảm của nhân vật. Số làn điệu chèo chưa được xác định rõ, nhưng theo ước tính phải trên 200.

Nhạc đệm tối thiểu cho hát chèo gồm hai nhạc cụ dây là đàn nguyệt và đàn nhị, và sáo. Các nhạc công sử dụng bộ gõ, nhất là trống và chũm chọe, để tăng phần sôi nổi; họ đánh trống con để giữ nhịp cho múa và hát.

Người dân nông thôn tham gia vào biểu diễn chèo như thế nào?

Cả làng tham gia vào chèo. Theo truyền thống, sân khấu là một mảnh chiếu trải trước sân đình. Có thể treo một cái phông để làm nền. Nhạc công ngồi hai bên chiếu, khán giả ngồi xung quanh sân khấu. Nhạc công chèo đóng vai trò phụ họa như trong một kiểu đồng ca Hy Lạp, vừa bình luận vừa tham gia vào vở



their characters' emotions. The number of *chèu* airs is undetermined, but according to estimates, there may be more than 200.

The minimum accompaniment for *chèu* singing is two string instruments, the *nguyệt* and *nhị*, and a flute. Musicians use percussion – especially drums and cymbals – to add excitement; they beat small drums to maintain the rhythm for dancing and singing.

How are villagers involved in a performance?

Whole villages take part in *chèu*. Traditionally, the stage is a sedge mat spread in the courtyard of the communal house. A backdrop may provide the scenery. The musicians sit on two sides of the performing mat, and the audience surrounds the stage. *Chèo* musicians act as a kind of Greek chorus, commenting on and participating in the action. The

diễn (đế). Đối thoại giữa nghệ sĩ và nhạc công đôi khi lôi kéo cả khán giả tham gia, tạo nên một bầu không khí sôi động giống như một sự việc đang xảy ra trên thực tế.

Ngày xưa, các nghệ sĩ chèo là nông dân không có nhiều tiền để dàn dựng, mua nhạc cụ, trang phục hoặc đạo cụ. Các vở diễn của họ không phải là những cảnh hoành tráng, nhưng qua ước lệ và cách điệu trong cách nói, cách hát, họ tạo ra không gian (núi, sông, biển, v.v.), thời gian (ngày, đêm, hàng chục năm, v.v.) thời tiết (mưa, nắng, v.v.) và cảnh nền (lửa cháy, đánh nhau, v.v.) trong trí tưởng tượng của khán giả ngồi quanh chiếu chèo.

Thị Kính là một ví dụ. Để mô tả cảnh nhân vật đi tu, diễn viên hát điệu *Đường trường*, tiếp theo là tiếng chuông, tiếng mõ để mô phỏng âm thanh trong chùa. Rồi đến một bài hát về cửa Phật. Một số ví dụ khác của kỹ thuật này là hát bài chèo đồ để tả cảnh qua sông, hát bài tả cảnh bờ bên kia để thể hiện là đã tới bến.

Một buổi biểu diễn chèo tuân theo kịch bản quy củ, trình tự như sau:

Một hồi trống vang lên.

Diễn viên đáp lại bằng tiếng: “Dạ!”

Nhạc nổi lên.

Hai anh hề múa đuốc để dẹp người xem lấn vào chiếu giãn ra lấy chỗ diễn.

Hai diễn viên, một nam một nữ, hát hai câu đầu, cả đoàn cùng hát tiếp để ăn giọng

Rồi đến đoạn giáo đầu: một nữ diễn viên hát ca ngợi đời vua đã mang lại thịnh vượng và

dialogue between artists and musicians sometimes even includes the audience to create an exciting atmosphere similar to a modern "happening."

In the past, *chèo* artists were farmers without much money for staging, musical instruments, costumes, or props. Their plays weren't lavish affairs, yet through convention and stylisation in speech and singing, they created space (mountains, rivers, oceans, etc.), time (day, night, dozens of years, etc.), weather (rain, sun, etc.) and backgrounds (fire, fight, etc.) in the imaginations of the audience sitting around the small mat-stage.

Thị Kính, the Goddess of Mercy (Quan Âm Thị Kính) provides an example. To describe the heroine on her way to seek Buddhist conversion, the artists sing "Long Journey" (*Đường trường*) followed by drums and bells to replicate the sounds of a pagoda. A song about Buddha follows. Other examples of these techniques include singing a song about rowing a boat to convey the idea of crossing a river and then a different song about the landscape to convey the idea of arrival at the other bank.

A *chèo* performance follows a regular scenario, beginning as follows:

A drum rolls.

The artists respond by calling "Dạ!" (Yes!)

The music begins.

Two buffoons dance with torches to keep the audience back from the mat.

Two performers – a man and a woman – sing the first two sentences, and the other performers harmonise with them.

thanh bình cho người dân, tóm tắt và bình luận tích trò đôi câu.

Buổi diễn chính bắt đầu.

Ngoài từng kỹ thuật riêng như lấy hơi, nói, hát, đi, v.v., diễn viên còn chú trọng tới cách uốn hai bàn tay, cổ tay và cánh tay. Đây là những động tác cơ bản trong chèo.

II. CÁC VỞ CHÈO PHỔ BIẾN

Thành ngữ “Oan Thị Kính” bắt nguồn từ đâu?

Thành ngữ này bắt nguồn từ vở chèo *Quan Âm Thị Kính*. Thị Kính và chồng rất xứng đôi vừa lứa, sống hạnh phúc. Một đêm, người chồng ngủ say sau nhiều giờ miệt mài học tập. Trong lúc quạt cho chồng, Thị Kính phát hiện ra một sợi râu mọc dài trên mặt chồng. Đây được coi là một điềm gở. Vì không muốn đánh thức chồng, Thị Kính nhẹ nhàng lấy dao để cắt sợi râu. Bỗng Thiện Sĩ tỉnh giấc. Thấy có con dao đang kề vào cổ, Thiện Sĩ hoảng sợ, hét lên gọi cha mẹ. Cha mẹ Thiện Sĩ chạy đến; buộc tội Thị Kính mưu sát chồng. Thị Kính bị đuổi khỏi nhà chồng. Tủi nhục, Thị Kính cải trang thành đàn ông và trở thành một

The performers move to the prelude, where an actress sings, praising the king, who had brought prosperity and a peaceful life to the people. She summarises and comments on the play about to follow.

The main performance begins.

In addition to special techniques for breathing, speaking, singing, walking, etc., artists pay attention to twisting their hands, wrists, and arms. All these constitute the basic *chèo* movements.

II. POPULAR PLAYS

What is the origin of expression "the wronging of Thị Kính"?

The expression comes from the *chèo* play *Thị Kính, the Goddess of Mercy* (Quan Âm Thị Kính). Thị Kính and her husband, Thiện Sĩ, are a well-matched and happy couple. One night the husband falls into a deep sleep after hours of studying. As Thị Kính fans him, she discovers an ingrown facial hair, which is considered an ill omen. Since she does not want to awaken him, she quietly takes a knife to his neck to remove the ingrown hair.

Thiện Sĩ awakens suddenly to a knife at his throat. Terrified, he shouts to his parents, who come

“chú tiểu,” lấy pháp hiệu là Kính Tâm, tu tại chùa Vân Tự.

Thị Mầu, con gái một gia đình giàu có, sống gần chùa. Thị Mầu tưởng chú tiểu mới đến là đàn ông, đem lòng yêu “chàng” và hay đến chùa chỉ để được nhìn thấy



“chàng.” Thị Mầu trơ trẽn tán tỉnh chú tiểu, nhưng “chàng” không đáp lại lời ve vãn của Thị Mầu. Thất vọng vì bị chú tiểu từ chối, Thị Mầu quay sang ve vãn anh người ở nhà mình tên là Nô. Thị Mầu có mang với Nô.

Theo tục làng, gái không chồng mà có chửa sẽ bị phạt vạ. Thị Mầu đổ cho Kính Tâm là bố đứa bé. Nghe theo lời đổ vạ, vị sư trụ trì đuổi Kính Tâm khỏi cửa chùa. Sau khi sinh, Thị Mầu vứt đứa con ở cổng chùa. Kính Tâm động lòng trắc ẩn, nhặt đứa bé lên và đi xin sữa của các bà mẹ đang cho con bú. Đứa bé sống, lớn lên. Một buổi tối mùa thu, Kính Tâm qua đời, và sự thật về giới tính của Kính Tâm mới sáng tỏ. Mọi người lúc ấy mới nhận ra rằng những lời buộc tội đối với Kính Tâm là bất công.

Đây là một vở chèo tiêu biểu về tích truyện và “những mảnh đời”. Vở chèo cũng là một ví dụ về việc thể tục hóa các câu chuyện trong Phật giáo.

running; they accuse Thị Kính of attempted murder. She is banished from her in-laws' house. Grieving, she disguises herself as a man and becomes a "monk" with the religious name of Kính Tâm at Vân Từ Pagoda.

A girl named Thị Mầu, the daughter of a rich family, lives near the pagoda. She mistakenly believes that the new monk is a man, falls in love with "him," and visits the pagoda often to catch a glimpse of "him." She flirts shamelessly with the monk, but "he" does not respond to her overtures. Disappointed by the monk's rejection, Thị Mầu returns home to seduce her house servant, Nô. She becomes pregnant.

Village custom requires that unmarried pregnant girls be punished. Thị Mầu accuses Kính Tâm of being the father. On the basis of these accusations, the superior monk drives Kính Tâm out the front gate of the pagoda. After Mầu delivers, she abandons the baby at the pagoda gate. Kính Tâm is compassionate and takes up the newborn to beg for milk from nursing mothers. The baby survives and grows to adulthood. One autumn evening, Kính Tâm dies, and the truth of her gender is revealed. Everyone discovers that the charges against her are unjust.

This is a model *chèo* play in plot and "life bits." It is also a good example of the secularisation of Buddhist tales.

Tại sao những người bạn tốt lại hay được ví như Lưu Bình và Dương Lễ?

Lưu Bình-Dương Lễ là một vở chèo nổi tiếng nói về hai người bạn. Một người đến từ Sơn Tây (nay là tỉnh Hà Tây), người kia đến từ tỉnh Bắc Ninh. Hai người là bạn đồng môn. Lưu Bình là con nhà giàu, lơ là học hành, ăn chơi đàng điếm. Dương Lễ tuy nghèo khó vẫn chú tâm học hành. Dương Lễ thi đỗ và ra làm quan còn Lưu Bình hỏng thi. Tuy nhiên, đó không phải là bất hạnh duy nhất của Lưu Bình. Lưu Bình vẫn tiếp tục rượu chè cờ bạc, ngày một nghèo khó, sống cô độc trong sự khốn cùng. Cuối cùng, Lưu Bình đến gặp Dương Lễ xin được giúp đỡ.



Dương Lễ hiểu rõ lối sống xa hoa trước đây của Lưu Bình và nghĩ rằng nếu cho Lưu Bình tiền, Lưu Bình sẽ tiếp tục sa vào thói cũ bỏ bê học hành, như vậy mọi chuyện sẽ càng tồi tệ hơn. Dương Lễ giả vờ làm một người bạn bất nghĩa, từ chối giúp đỡ Lưu Bình và đuổi Lưu Bình đi. Mặt khác, Dương Lễ bảo vợ lẽ của mình là Châu Long mang một ít vàng đi

Why are good friends compared with Lưu Bình and Dương Lễ?

Lưu Bình and Dương Lễ is a famous *chèo* play about two young men. One is from Sơn Tây (now Hà Tây Province) and the other from Bắc Ninh Province. They study with the same master teacher. The rich Lưu Bình neglects his studies for a profligate life. The poor Dương Lễ continues to study in earnest. Dương Lễ passes the examination and prospers as a mandarin, while Lưu Bình fails. Lưu Bình's failure is not his only misfortune. He continues his drinking and gambling, becomes very poor, and lives alone in misery. Finally, he approaches Dương Lễ for help.

Dương Lễ is aware of Lưu Bình's former opulent life style and thinks that if he gives Lưu Bình money, his friend will only continue his bad habits to the neglect of his studies, and then his condition will worsen. Dương Lễ pretends to be a disloyal friend; he refuses to receive Lưu Bình and drives him away. On the other hand, he asks his concubine, Châu Long, to take some gold, follow Lưu Bình, and care for him in a manner which would allow him to pursue his studies.

Having been chased from the home of his former friend, Lưu Bình is deeply ashamed and resolves to take up his education seriously. Châu Long helps Lưu Bình in daily life. Three years later, he passes his exams, but when he returns to his village, Châu Long has disappeared.

theo Lưu Bình, chăm sóc Lưu Bình đến nơi đến chốn để Lưu Bình yên tâm học hành.

Bị đuổi khỏi nhà bạn cũ, Lưu Bình vô cùng xấu hổ, quyết tâm tu chí học hành. Châu Long giúp Lưu Bình cơm nước hằng ngày. Ba năm sau, Lưu Bình thi đỗ nhưng khi trở về làng thì không thấy Châu Long.

Dương Lễ cho người mang quà đến mừng vị tân khoa và mời đến chơi nhà. Lưu Bình định nhân cơ hội này trả thù Dương Lễ vì đã bỏ rơi mình trong lúc khốn khó, nhưng khi thấy mình đỗ đạt, lại tìm cách cầu thân. Khi Lưu Bình đến nơi, Dương Lễ cho gọi Châu Long ra chào bạn. Chỉ đến lúc đó Lưu Bình mới nhận ra Dương Lễ đã giúp đỡ mình qua người vợ lẽ.

Vở chèo kinh điển này kết hợp tính trữ tình và tính kịch.

Tại sao phụ nữ hội bạc lại được ví với Thiệt Thê?

Chu Mãi Thần là một người có chí khí mạnh mẽ. Chàng vừa học vừa kiếm sống bằng nghề kiếm củi. Chàng kết duyên với Thiệt Thê, một người đàn bà lười biếng, vô tích sự. Quá chán ngán cảnh nghèo túng và miệt mài học tập của chồng, Thiệt Thê bỏ Chu Mãi Thần, đi làm lẽ Tuấn Ty, hòng sống một cuộc sống mới giàu có.

Tuấn Ty, người quê miền trung, làm nghề thu thuế thuyền buôn phía bắc nên rất giàu có. Vợ cả của Tuấn Ty là Đào Huế phát hiện ra chồng có vợ lẽ. Đào Huế đi tìm, thấy chồng mua đồ trang sức cho Thiệt Thê. Cảnh đánh ghen xảy ra, Thiệt Thê bị đuổi đi.

Dương Lễ sends his men to congratulate the new laureate with gifts and invites him for a visit. Lưu Bình plans to use the visit to chastise his friend for abandoning him in time of desperate need but then offering friendship in time of success. When Lưu Bình arrives, Dương Lễ asks Châu Long to greet his friend. Only then does Lưu Bình realise that Dương Lễ, through his dear concubine, gave him the help he needed.

This typical *chèo* play combines lyricism and dramatics.

Why is an unfaithful woman compared with Thiệt Thê?

Chu Mãi Thân is a strong-willed man. He earns his living by gathering firewood while he studies. But he is married to Thiệt Thê, a good-for-nothing, lazy woman. Fed up with her husband's poverty and serious pursuit of studies, Thiệt Thê leaves Chu Mãi Thân and takes up a new, luxurious life as a concubine of Tuấn Ty.

Tuấn Ty, a native of central Việt Nam, is a prosperous tax collector mandarin for commercial boats in the north. His first wife, Đào Huế, discovers that her husband is taking a concubine. Đào Huế searches for and finds her husband buying jewellery for Thiệt Thê. A scene of jealousy follows, and Thiệt Thê is forced away.



Trên đường về nhà, Thiệt Thê trông thấy đám rước một vị tân khoa vừa đỗ kỳ thi đình, sùng sốt khi biết rằng đó chính là Chu Mãi Thần. Thị đề nghị nói lại tình nghĩa vợ chồng, nhưng Chu Mãi Thần từ chối. Tội hổ, Thiệt Thê bỏ đi. Thị bị sét đánh chết, vì trời chẳng bao giờ dung loại đàn bà bội bạc.

Vở chèo này cũng kết hợp tính trữ tình, tính kịch và rất nhiều cảnh hài hước tiêu biểu.

Cảnh “Xúy Vân giả dại” nổi tiếng trích từ vở nào?

Trích từ vở *Kim Nham*. Kim Nham người huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, một vùng đất nổi tiếng với những nhà nho lỗi lạc và vị quan tài cao. Kim Nham lấy Xúy Vân rồi lên kinh đô học, ra làm quan. Ở nhà, Xúy Vân đi làm thuê cho một người đàn bà lừa lọc.



On her way home, Thiệt Thê sees a glorious procession of a new laureate from the court exams and is surprised that the laureate is Chu Mãi Thần himself. She asks for renewal of their conjugal ties, but Chu Mãi Thần does not accept her back. Humiliated, Thiệt Thê must leave. Lightning strikes her dead because the gods have no pity on unfaithful women.

This play also combines lyricism with drama and many exemplary comic scenes.

Where does the famous scene “Xúy Vân feigns madness” come from?

From the popular *chèo* play *Kim Nham*. Kim Nham is a native of Xuân Trường District, Nam Định Province, an area well-known for producing outstanding scholars and talented statesmen. Kim Nham marries Xúy Vân and then goes to the capital

Để thoát khỏi cảnh sống cực khổ không thể chịu nổi, Xúy Vân giả điên. Xúy Vân cặp kè với Trần Phương, một tay lái buôn mù chữ nhưng giàu có. Tay lái buôn nhanh chóng chán, đuổi Xúy Vân đi.

Trên đường đi, Xúy Vân gặp lại Kim Nham. Kim Nham thấy thế lấy làm thương hại, cho Xúy Vân một nắm cơm. Khi cắn vào nắm cơm, Xúy Vân thấy một lạng vàng bên trong. Hở thẹn vì không chung thủy với một người tốt như vậy, Xúy Vân nhảy xuống sông tự vẫn.

Vở chèo có nhiều cảnh sinh động, đầy kịch tính như cảnh *Mụ quán bán hàng*, *Xúy Vân giả dại*, *Phù thủy đuổi ma*.

III. DIỄN VIÊN CHÈO

Diễn viên chèo nào có cuộc đời truân chuyên nhất?
Đó là nghệ sĩ nhân dân Nguyễn Thị Minh Lý. Bà sinh năm 1912 ở tỉnh Hải Hưng cũ, là con gái Trùm Thịnh, người đã cùng với Nguyễn Đình Nghi và Cá Tam đóng góp lớn cho việc hiện đại hóa chèo đầu thế kỷ 20.

to study and become a mandarin. Left at home, Xúy Vân is hired by a perfidious woman.

To remove herself from unbearable circumstances, Xúy Vân pretends madness. She takes up with Trần Phương, an illiterate but rich merchant, who soon tires of her and sends her off.

On her travels, Xúy Vân meets Kim Nham again. He pities her and gives her a ball of cooked rice. When she bites into the rice ball, she finds a tael of gold. Ashamed of her infidelity to such a good man, she throws herself into the river.

This play has many lively, dramatic scenes, such as "The Perfidious Woman Laying out Her Wares," "Xúy Vân Feigns Madness," and "Magician Exorcising Evil Spirits."

III. ARTISTS

Which chèo artist has the most dramatic life story?

People's Artist Nguyễn Thị Minh Lý. Born in 1912 in former Hải Hưng Province, she was the daughter of Trùm Thịnh who, together with Nguyễn Đình Nghi and Cà Tam, made a great contribution to the modernisation of chèo art in the early twentieth century.



Nguyễn Thị Minh Lý sớm bộc lộ tài năng chèo. Năm 17 tuổi, bà đã nổi tiếng với một loạt vai trong các vở *Quan Âm Thị Kính*, *Lưu Bình-Dương Lễ*, *Lọ nước thần*. Trước năm 1945, hãng Lécros phát hành đĩa ghi giọng hát của bà khắp Đông Dương và Pháp. Sau năm 1954, bà đã đào tạo nhiều thế hệ diễn viên chèo Việt Nam.

Cuộc đời của Minh Lý hết như một vở bi kịch. Năm 1931, sau khi kết thúc buổi biểu diễn, khán giả đã rời rạp hát nhưng ông nghề Thảo không muốn rời chân. Ông nghề Thảo là một viên quan lớn ở triều đình Huế ra Hà Nội công cán. Giọng hát tuyệt vời của Xúy Vân, nhân vật trong màn *Xúy Vân giả dại*, như vẫn còn vang vọng: “Ta đi chợ Dốc. Ngồi gốc cây đa. Thấy em bán rượu, em mặc cái áo nâu già, ta lý khăn xanh. Khăn xanh có rí đội đầu. Nửa thương bên vợ, nửa sầu bên con”.

Màn trình diễn của cô đào Minh Lý đã chinh phục trái tim ông. Ông năn nỉ xin được cầu hôn

Nguyễn Thị Minh Lý demonstrated her *chèo* talents early. By the age of seventeen, she was famous for her roles in a number of *chèo* plays: *Thị Kính, the Goddess of Mercy* (Quan Âm Thị Kính), *Lưu Bình and Dương Lễ*, and *The Magic Water Pot* (Lọ nước thần). Before 1945, the Lécos Company distributed recordings of her singing throughout Indochina and France. After 1954, she trained generations of Vietnamese *chèo* artists.

Minh Lý's own life story sounds like the script for a tragic play. After a performance she gave in 1931 ended, the audience left the theatre, but Doctoral Laureate Thảo didn't want to leave. He was a high-ranking mandarin of the Huế Court who was on a mission to Hà Nội. The beautiful voice of Xúy Vân, a character in the scene *Xúy Vân Feigns Madness*, seemed to echo: "On the way to the Dốc Market, I rest under the shadow of a banyan-tree. Suddenly, I meet you, a rice-alcohol vendor. You wear a dark brown blouse. I am attracted to you. But I am wearing a green kerchief. One side reminds me of my wife, and the other of my children."

Minh Lý's performance completely conquered Thảo's heart. He begged for her hand in marriage. Her father, Trùm Thịnh, found that the high-ranking mandarin did not scorn inferiors and that he was deeply in love with his daughter. He agreed. Minh Lý became Thảo's concubine. Thảo had to return to Huế while Minh Lý was pregnant. Several months later, Thảo's servant informed Minh Lý that the mandarin's first wife -- a sister of King Khải Định -- was jealous. The wife intended to dispatch her servants to Hà Nội to poison Minh Lý before her delivery.

nàng. Thấy ông là người có quyền cao chức trọng không những không khinh thường kẻ hạ dân, mà còn thật lòng yêu thương con gái mình, nên cha Minh Lý đồng ý. Minh Lý trở thành vợ lẽ ông nghề Thảo. Lúc nàng có thai thì ông nghề Thảo quay về Huế. Vài tháng sau, có người hầu cận của ông ra báo với Minh Lý rằng, bà vợ cả - em gái vua Khải Định - nổi máu ghen, định sai người đem thuốc độc ra Hà Nội sát hại cô Lý trước kỳ sinh hạ.

Nhận được tin báo, cha con Minh Lý quyết định về ẩn náu ở Thái Bình. Khi sinh con chưa đầy cử, Minh Lý phải gửi con nhờ người mẹ kế nuôi hộ, còn nàng trốn mình nương náu nơi cửa Phật.

Năm tháng trôi qua.

Một trưa nắng gắt, ông Phạm Học Hải, tri phủ Thái Ninh (tỉnh Thái Bình), đang nằm dài trên bộ trường kỷ, bỗng có viên lý trưởng bước vào, bẩm trình về việc ngôi chùa trong xã chứa chấp gái giang hồ. Lập tức, tri phủ vội đến chùa. Khi cô gái bước ra trình diện, ông vô cùng kinh ngạc. Tưởng ai xa lạ, đâu ngờ đó chính là đào Minh Lý, người mà ông đã từng mê đắm khi xem nàng biểu diễn trên sân khấu.

Bảy giờ vị sư trụ trì mới giải thích: "Bẩm thượng quan, tiểu ni đây bị ép duyên nên đến bản tự xin cắt tóc đi tu. Xét nữ nhi tuổi còn non, lại có đức tin nên bản tăng mở rộng cửa chúng sinh đưa qua cơn hoạn nạn. Không ngờ ông lý đây thấy tiểu ni mà sinh lòng trăng gió, lừa tuấn đình vào chùa quấy nhiễu, vu oan để bức tiểu ni về làm lẽ."

Bực mình vì bị kẻ dưới bẩm trình gian dối, Phạm Học Hải thu triệu đồng của tên lý trưởng, rồi đưa tiểu

On hearing the news, Minh Lý and her father decided to hide in Thái Bình Province. When her son was barely one month old, Minh Lý entrusted him to her step-mother's care and retreated to a religious life in a Buddhist pagoda.

The years passed.

One scorching hot day, Phạm Học Hải, the prefect of Thái Ninh (Thái Bình Province), was resting on a wooden bench when a village chief entered and announced that the communal pagoda was sheltering a prostitute. The prefect rushed at once to the pagoda. When the nun appeared, he was extremely surprised. She was not a stranger as he had thought but the actress Minh Lý, whom he had long admired after watching her *chèo* performances.

The pagoda's bonze explained: "Your Highness, the young Buddhist nun decided to follow a religious life at my pagoda to escape her destructive marriage. She is very young and deeply religious. I adopted her to help her escape her unfortunate fate. However, now the village chief wants to force the beautiful nun to marry him. So, he dispatched his patrol to harass the pagoda and accuse us."

Angry about the chief's false report, Phạm Học Hải confiscated the chief's bronze seal and took the nun back to his office for further questioning. There, Minh Lý told him all about her sad life. The prefect was sympathetic, and eventually they married.

When he was ninety, Hải recalled their love:

ni cùng về phủ đường để tìm hiểu thêm. Tại đây, cô Lý đã kể lại những thăng trầm của đời mình. Quan phủ động lòng trắc ẩn, sau này lấy cô làm vợ.

Khi đã 90 tuổi, ông Hải nhớ lại câu chuyện tình của hai người: “Được anh kép Thịnh ưng thuận, sáng hôm sau, tôi bảo viên phụ tá đưa Minh Lý trở lại chùa dâng lễ tạ vị sư trụ trì, xin hoàn tục. Chiều, khi trở về, tôi thấy Minh Lý vẫn y nguyên bộ quần áo nâu sồng. Thấy thế tôi sợ duyên sự không thành. Khi anh kép Thịnh hỏi han con gái cụ thể, Minh Lý rút ra một lá thư đưa cho cha. Anh kép Thịnh cầm mảnh giấy đọc rồi đưa cho tôi. Thư viết: “Con hoàn tục, chúc con gặp nhiều may mắn trên trường đời. Y phục nhà chùa con dùng không phải hoàn lại, phòng khi muốn nhập bản tự nào thì con vận y phục ấy đi đến, cửa Phật sẽ mở rộng cửa đón con”. Với tôi, lá thư tuy ngắn ngủi nhưng là cả một bài học lớn về nhân sinh nơi cửa Phật: độ lượng chu toàn, bao dung đối với mọi kiếp người.”

Sau đám cưới, Minh Lý vẫn ở với cha, tiếp tục đi hát, chỉ thỉnh thoảng về thăm ông quan phủ. Mỗi tình này kéo dài ngót mười năm, hai người có con với nhau. Nhưng do không chịu được cảnh chồng chung nên Minh Lý quyết chia tay.

Một đêm, ông Hải nghe vọng lại tiếng hát của nàng Châu Long, một nhân vật chính trong vở *Lưu Bình-Dương Lễ*: “Đố ai chưa được rượu tằm. Chưa ăn thuốc chín, chưa nằm chung hơi. Có tôi chưa được mà thôi. Chưa ăn thuốc chín chung hơi cũng chưa”.

Người vợ lẽ đã từng cất giọng oanh vàng như thế, nhưng nay đâu? Nước mắt ông rơi lã chã.

"The next morning, with Trùm Thịnh's agreement, I told my secretary to take Minh Lý back to the pagoda to thank the bonze and ask for his permission for her to return to a secular life. In the afternoon, Minh Lý returned, still in her brown Buddhist garments. Seeing that, I presumed that our marriage wouldn't occur. When Trùm Thịnh questioned his daughter, Minh Lý gave him a letter, which he read and then handed to me. The letter said: 'I wish you a lucky and happy secular life. You should keep and use your Buddhist garments whenever you enter a Buddhist's door and you will always be welcomed.' To me, that short letter from the bonze was a great lesson in Buddhist humanity: Be kind-hearted, tolerant, and generous with everyone."

After the wedding, Minh Lý lived with her father and continued her career as an actress. Sometimes, she went to see her husband, the prefect. Their love lasted for nearly ten years, and they had children. Finally, they parted because Minh Lý was no longer prepared to be the prefect's second wife.

One night, Hải seemed to hear the echoing song of Châu Long, one of the main characters in the play *Lưu Bình and Dương Lễ*: "Who has ever given up drinking *tăm* alcohol? Who has ever given up smoking opium and 'sharing his bed?' It is only me who can give up smoking opium; And even 'sharing your bed'."

His beautiful concubine once sang like that. Where was she now? The tears brimmed over in Phạm Học Hải's eyes.

Diễn viên chèo nào lấy chồng ngoại quốc những năm 1940?



Đó là Hoa Tâm. Những năm 1940, dân làng Bưởi thường hay kể chuyện về bà với lòng yêu mến. Hoa Tâm là chủ một rạp hát có tên Quảng Tâm Ban, dựng giữa chợ Bưởi, Hà Nội. Rạp lúc nào cũng đông khán giả, các buổi tối thường cũng như buổi sáng chủ nhật. Khán giả có thể xem cả tích

mới cũng như tích xưa như *Trương Viên*, *Quan Âm Thị Kính*. Những tích này hầu như ai cũng thuộc, nhưng họ vẫn xem đi, xem lại nhiều lần, không biết chán. Họ cũng rất có cảm tình với bà chủ rạp Hoa Tâm xinh đẹp, ăn mặc rất sang trọng. Hoa Tâm trông còn trẻ quá nên mọi người gọi bà là “mít-xơ” dù bà đã có chồng.

Hoa Tâm là con gái một gia đình cố nông ở Kim Động, Hưng Yên. Từ nhỏ, cô bé đã hát được nhiều làn điệu chèo, tuồng, cải lương. Năm 13 tuổi, cô đi theo một gánh hát để học thêm. Mấy năm sau, với giọng ca đặc biệt, cô quyết định theo học những diễn viên có kinh nghiệm để diễn chèo thuần thực. Hồi đó, bạn bè cô có các nhà văn, họa sĩ, nhà báo, thi sĩ. Chồng cô, Louis Auburg, một người vừa giàu có vừa

Which chèo actress married a foreigner during the 1940s?

Hoa Tâm. During the 1940s, Bưởi villagers often talked lovingly about her. Hoa Tâm was the owner of the local tent theatre, Quảng Tâm Ban, erected in the Bưởi Market, Hà Nội. The troupe played to a full audience every night as well as at Sunday matinees. Audiences could watch modern as well as traditional plays, such as *Trương Viên* and *Thị Kính, the Goddess of Mercy*. Although they knew these plays intimately, having memorised them, the audiences watched them repeatedly without ever growing bored. They were also fans of the theatre's beautiful, elegant owner, Hoa Tâm. Her appearance was so youthful that they called her "Miss" even though she was already married.

Hoa Tâm was born into a farming family in Kim Động, Hưng Yên Province. From the time she was little, she could sing many styles of music such as *chèo* (popular opera), *tuồng* (classical opera), and *cải lương* (amateur musicals). When she was thirteen, she joined a troupe to develop her talent. A few years later, as a young woman with a very special voice, she decided to learn from experienced artists and master *chèo*. At that time, her friends included writers, painters, journalists, and poets. Hoa Tâm's husband, Louis Aubourg, a rich and handsome man, was proud that he had defeated all his rivals, including mandarins and wealthy men.

Although Hoa Tâm was admired for her beauty and talent, these traits brought her both good and bad fortune. She once said that her life was not a full moon, only a sliver of one. However, at the age of twenty-one, she was a star on the *chèo* stages of Hà

đẹp trai, rất kiêu hãnh là đã hạ được tất cả các tình địch, kể cả những kẻ giàu sang quyền quý.

Tuy tài sắc như vậy, đời Hoa Tâm cũng chịu nhiều lao đao. Có lần cô nói rằng đời mình bao giờ cũng là một mảnh trăng khuyết. Năm 21 tuổi, cô đã trở thành một ngôi sao trên các sân khấu chèo ở Hà Nội, Hải Dương, Sơn Tây, Hà Đông, Bắc Ninh, Hưng Yên. Cô đặc biệt nổi tiếng với các vai Xúy Vân trong màn *Xúy Vân giả dại*, vai vợ Tuấn Ty trong *Tuấn Ty - Đào Huế*. Những nhân vật này như được dựng nên để cho cô diễn. Ngày nay, khi xem những nữ diễn viên khác diễn các vai này trên sân khấu, người ta còn nhắc đến cái tên Hoa Tâm.

Hoa Tâm còn rất thành công trong vai Thị Mầu. Một lần biểu diễn cho khán giả nước ngoài, khi cô đang diễn thật mạnh mẽ và kỳ ảo đoạn cô gái trẻ lẳng lơ thì một điều rất lạ lùng xảy ra. Khi Thị Mầu tức giận với chú tiểu và ném cái dùi trống xuống, cái dùi rơi trúng cái mõ, quay quay một hồi trên cái mõ. Cảnh cái dùi trống quay tròn trên cái mõ thể hiện khao khát đục tình và số phận Thị Mầu. Khán giả vô cùng sửng sốt, tiếng vỗ tay rào rào. Họ chưa bao giờ được xem cảnh diễn đặc sắc ấy. Khán giả nước ngoài còn nói về cảnh ấy nhiều năm sau đó, nhưng tiếc là không có tấm ảnh nào ghi lại.

Những vai diễn của Hoa Tâm đều trở thành mẫu mực cho một thế hệ diễn viên mới để học động tác, kỹ thuật diễn, cách hát, và thậm chí cả cách cười. Nhiều người cố bắt chước cô nhưng không thành công.

Hoa Tâm không những là một diễn viên không thể bắt chước, mà còn là một người phụ nữ rất hào phóng.

Nội, Hải Dương, Sơn Tây, Hà Đông, Bắc Ninh, and Hưng Yên. She was particularly famous for the roles of Xúy Vân in the scene *Xúy Vân Feigns Madness* in *Kim Nham* and of a tax officer's wife in *Tuần Ty-Dào Huế*. These characters seemed to have been created for her. Even today, when seeing them portrayed by other actresses, people still remember Hoa Tâm in the roles.

Hoa Tâm was also very successful in the role of Thị Mầu. Once, in a performance for a foreign audience, she was so powerful and magical in the part of the flirtatious young woman that something very strange happened. When her character became angry with the monk and threw down the drumstick (*dùi*), it hit the wooden tocsin (*mõ*) and hovered, spinning above it. Hovering in the way it did, the drumstick seemed to express the young character's sexual aspirations and her fate. The stunned audience was so impressed it applauded frantically. Such a feat has never been seen since. Unfortunately, there is no photograph capturing this moment, which both foreigners and Vietnamese described for years afterwards.

Hoa Tâm's roles have inspired a new generation of actors, who studied her movements, acting techniques, and singing style, even down to the way she laughed. However, many have tried to imitate her without success.

Hoa Tâm was not only an inimitable actress but also a highly generous woman. When the capital was liberated in 1954, one of the theatre companies was in financial distress. Hoa Tâm didn't hesitate to sell

Khi Thủ đô được giải phóng năm 1954, một đoàn chèo gặp khó khăn về tài chính, Hoa Tâm không ngần ngại bán đi tất cả tư trang của mình để giúp đỡ đoàn. Chị còn đóng góp vào việc đào tạo, truyền nghề cho các diễn viên trẻ, từ những động tác tỉ mỉ như cách xòe quạt tới cách phục trang, vấn khăn.

Hoa Tâm chưa bao giờ đánh mất tình yêu cuộc sống. Lúc đau yếu trên giường bệnh, trước khi ra đi, chị nói: “Tôi nặng khúc ân tình với cuộc đời, mặc dù cuộc đời đã làm tôi đau khổ nhiều.”

Đầu những năm 1960, ai đóng vai Xúy Vân đạt nhất?

Đó là Diễm Lộc. Khán giả hâm mộ chèo nhớ đến Diễm Lộc trong nhiều vai diễn, đặc biệt là vai Xúy Vân.

Phan Thị Diễm Lộc sinh ra trong một gia đình diễn chèo chuyên nghiệp. Mẹ bà là Tiểu Thị Thục, diễn viên múa hát truyền thống. Bà Thục dành nhiều thời gian rỗi luyện tập các làn điệu khó như “Làn



her belongings to help. She also contributed to the training of new actors and passed on to young artists her experience – everything from intricate movements like opening a fan to arranging costumes and headgear.

Hoa Tâm never lost her love for life. On her sick bed before she died she said: “I have a special bond with this life even though it has done me quite a few wrongs.”

Who was the best known actress for the role of Xúy Vân in the early 1960s?

Diễm Lộc. Audiences familiar with *chèo* will recall the actress Diễm Lộc for her many roles but particularly for her characterisation of Xúy Vân.

Phan Thị Diễm Lộc was born into a family of professional *chèo* artists. Her mother, Tiểu Thị Thục, was an actress who performed traditional dances and songs. Ms. Thục spent her spare time practising difficult tunes such as “Làn Thăm” and “Cách Cú” in her poignant voice. At sixteen, Tiểu Thị Thục was forced into an arranged marriage, but she left her *chèo* group in Thái Bình Province and wandered to Hà Nội, then later to Sơn Tây. There, she fell ill, but a rich man who admired her talent cared for her. She married him and had two sons and a daughter, Diễm Lộc.

As a very young child, Diễm Lộc followed her mother to festivals. In 1956, when she was eighteen, the Cổ Phong Group in Sơn Tây Province recruited her. Later, Diễm Lộc moved to the Việt Nam *Chèo*

Thăm”, “Cách Cú”, với giọng hát sâu thẳm. Năm 16 tuổi, Tiểu Thị Thục bị ép duyên. Bà bỏ đoàn chèo ở Thái Bình lên Hà Nội, phiêu bạt lên Sơn Tây. Ở đó, bà lâm bệnh, nhưng được một người đàn ông giàu có ngưỡng mộ tài năng của bà cứu mang săn sóc. Bà đi bước nữa với ông, sinh được hai trai, một gái. Người con gái chính là Diễm Lộc.

Khi còn rất nhỏ, Diễm Lộc đã theo mẹ đến các lễ hội. Năm 1956, Diễm Lộc được tuyển vào Đoàn Cổ Phong ở Sơn Tây lúc mới 18 tuổi. Sau này, Diễm Lộc chuyển đến Nhà hát Chèo Việt Nam. Ở đó bà đóng nhiều vai chính trong những vở chèo cổ, chèo hiện đại như Thị Mầu trong *Quan Âm Thị Kính*, Châu Long trong *Lưu Bình-Dương Lễ*, chị Ba Đẹp trong *Lọ nước thần*, Dương Vân Nga trong *Thái Hậu Dương Vân Nga*, Tấm trong *Tấm Cám*, chị Trúc trong *Sóng Trà Khúc*, nữ du kích trong *Đường về trận địa*.

Diễm Lộc đặc biệt thành công với vai Xúy Vân giả dại. Vai diễn làm bà nổi tiếng cả nước từ đầu những năm 1960. Khán giả không khỏi cảm thấy rợn người khi nghe bà hát. Nhiều người mua vé chỉ để xem màn *Xúy Vân giả dại*.

Vai diễn Xúy Vân đòi hỏi diễn xuất thật đặc biệt. Xúy Vân kịch liệt phản đối chế độ đa thê, nhưng vẫn phải bê trầu cau đi hỏi vợ cho chồng. Xúy Vân gặp và yêu Trần Phương, một tay lái buôn trắng hoa, rồi về giả điên để thoát khỏi gia đình nhà chồng, đi theo Trần Phương. Tay lái buôn chẳng mấy chốc bỏ Xúy Vân. Tủi nhục, Xúy Vân trâm mình xuống sông tự vẫn. Để diễn thành công vai này, diễn viên phải thành thạo các làn điệu chèo, trong đó có điệu *Lời Lơ*. Người hát phải có giọng kim chuẩn, tiếng ngân rất dài.

Theatre Company, where she played the principal characters in numerous *chèo* plays, both classical and modern: Thị Mầu in *Thị Kính, the Goddess of Mercy* (Quan Âm Thị Kính), Châu Long in *Lưu Bình and Dương Lễ*, Miss Ba Đẹp (Beautiful Ba) in *The Magic Water Pot* (Lọ nước thần), Dương Vân Nga in *Queen Mother Dương Vân Nga* (Thái Hậu Dương Vân Nga), Tấm in *Tấm and Cám*, Miss Trúc in *The Trà Khúc River* (Sông Trà Khúc), and the guerrilla in *The Way Back to the Front* (Đường về trận địa).

Diễm Lộc especially succeeded in the role of Xúy Vân feigning madness. This scene made her famous throughout Việt Nam beginning with the early 1960s. Audiences were thrilled when listening to her singing; some people watched the play only for this scene.

The character Xúy Vân requires special skills and techniques. Xúy Vân stridently opposes polygamy yet must carry a tray of areca nut and betel as offerings to ask for another girl's hand for her husband. Then, she meets and falls in love with Trần Phương, a playboy merchant. She pretends to be mad to escape from her parents-in-law and follows Trần Phương, who soon abandons her. Ashamed, Xúy Vân throws herself into a river. To succeed in the performance, the artist must have mastered *chèo* airs including "Lối Lơ," which requires a clear soprano voice for resonance.

Diễm Lộc had many opportunities to learn *chèo* skills from master-artists, especially from Vĩnh Phúc Province's late master, Kiều Trọng Đóa, who

Diễm Lộc có may mắn được học chèo với nhiều nghệ nhân bậc thầy, nhất là với nghệ nhân quá cố tỉnh Vĩnh Phúc Kiều Trọng Đóa là nam đóng già nữ nổi tiếng một thời. Qua các buổi tập vất vả, bà thể hiện thành thạo các kỹ thuật khó của chèo như điều khiển cơ mặt khi nhìn, liếc, cười trong vai người đàn bà điên. Có lần bà phải mất ba ngày chỉ để tập cười, do đó đã tạo ra được nhân vật Xuý Vân đầy ấn tượng.

Đã vào tuổi 64, nhưng niềm đam mê chèo của Diễm Lộc vẫn tràn trề. Hiện bà đang là giảng viên bộ môn chèo tại Trường Đại học Sân khấu-Điện ảnh, đào tạo các lớp diễn viên chèo kế nghiệp. Bà luôn trăn trở làm thế nào để đào tạo từng sinh viên đạt hiệu quả cao nhất, đặc biệt là đối với những ai có khả năng diễn vai Xuý Vân.

Tuy bận rộn, Diễm Lộc vẫn cố gắng dự tất cả các buổi họp của Câu lạc bộ Diễn viên chèo cao tuổi. Bà hy vọng các diễn viên chèo trẻ tuổi sẽ cống hiến trọn đời cho nghệ thuật chèo như các nghệ nhân cao tuổi – những người đến nay vẫn chăm chỉ luyện tập, biểu diễn.

Những nghệ sĩ nào đại diện cho bốn thế hệ đóng vai Thị Mầu gần đây?

Đó là nghệ sĩ ưu tú Thanh Trầm, các nữ diễn viên trẻ Vân Quyển, An Chính, Hoài Thu. Vào một ngày đầu xuân năm 2002, họ cùng nhau gặp gỡ với những người hâm mộ chèo.

Trong suốt cuộc đời diễn viên, Thanh Trầm đã diễn vai Thị Mầu hàng nghìn lần, thể hiện nhuần nhị khát vọng yêu đương, sống một cuộc sống tự do của nhân vật. Năm 32 tuổi, Thanh Trầm vinh dự

was famous for his female roles. In harsh practice sessions, she mastered difficult *chèò* techniques, particularly control of her facial muscles to stare, glance, smile, and laugh as a madwoman. She once spent three whole days laughing to practise for the part, thus enabling her to create an impressive Xúy Vân.

At the age of sixty-four, Diễm Lộc's passion for *chèò* remains unchanged. As a lecturer on *chèò* at the University of Theatre and Cinematography, she is training future generations of *chèò* artists. Diễm Lộc ponders how best to train each new student, especially those able to perform Xúy Vân.

Despite her busy schedule, Diễm Lộc tries to attend all sessions of the Club of Elderly *Chèo* Artists. She hopes young *chèò* artists will devote their lives to this art like the elderly masters, who still practise and perform.

Who represent the four recent generations of chèo actresses in the role of Thị Mầu?

Eminent Artist Thanh Trâm and the young actresses, Vân Quyên, An Chinh, and Hoài Thu. On an early spring day in 2002, they assembled for *chèò* fans.

During her career, Thanh Trâm played Thị Mầu thousands of times, skilfully conveying the character's aspiration for love and a free life. At the age of thirty-two, she received the great honour of performing Thị Mầu in India for the late Prime



được sang Ấn Độ diễn vai Thị Mầu cho cố Thủ tướng Ấn Độ Indira Gandhi xem. Diễn xuất của Thanh Trâm gây ấn tượng sâu sắc cho khán giả Ấn Độ. Đã nhiều năm nay khán giả không còn thấy Thanh Trâm trên sân khấu với vũ điệu quen thuộc của Thị Mầu trong bộ trang phục sặc sỡ nữa, nhưng trong tâm trí họ vẫn hằn sâu hình ảnh diễn xuất của bà trong vai này. Hiện Thanh Trâm dành phần lớn thời gian đào tạo lớp diễn viên trẻ.

Ngoại trừ Thanh Trâm, còn lại ba diễn viên trong buổi hội ngộ đó đều ra sân khấu với các trích đoạn nổi

tiếng *Thị Mầu lên chùa*, *Thị Mầu với anh Nô*. Thật khó phân định ai hơn ai kém trong các cô Mầu ấy. Tuy nhiên, Vân Quyền với kinh nghiệm 10 năm biểu diễn (trong đó có giải thưởng Tài năng trẻ tại Hội diễn Sân khấu toàn quốc năm 1991) tỏ ra chín chắn, nhuần nhuyễn hơn cả.



Minister Indira Gandhi. Her acting deeply impressed the Indian audience. Although for many years Thanh Trâm's admirers have not seen her on stage performing the familiar dance of Thị Mầu in her colourful costumes, they still hold her lively interpretation of this character fresh in their memories. Now, Thanh Trâm spends most of her time teaching young artists.

Except for Thanh Trâm, each of the other assembled actresses performed famous scenes featuring Thị Mầu: *Thị Mầu at the Pagoda* (Thị Mầu lên chùa) and *Thị Mầu and Her Servant Nô* (Thị Mầu với anh Nô). It was difficult to determine the best performance. However, Vân Quyên's ten years of experience (which include winning the Young Talent title at the 1991 National Stage Festival) accounted for the maturity of her portrayal.

An Chinh seemed to be better suited to play the role Thị Kính, who is Thị Mầu's opposite. However, she acted skilfully and earned the honour of Young Talent. After finishing the scene in which Thị Mầu goes to the pagoda to flirt with the monk, An Chinh changed into a fashionable black dress. Seeing her out

An Chinh có vẻ hợp với vai Thị Kính là vai đối nghịch với Thị Mầu hơn, nhưng cô đã biểu diễn xuất sắc vai Thị Mầu và cũng giành được giải thưởng Tài năng trẻ. Sau khi biểu diễn cánh lên chùa về văn chú tiểu, cô liền thay ngay bộ váy đen rất hiện đại mà nhìn khó ai có thể nghĩ đó là cô Thị Mầu của sân khấu chèo cổ.

Hoài Thu là diễn viên thuộc thế hệ trẻ nhất thành công với vai Thị Mầu. Sinh ở Thái Bình – cái nôi của chèo – Hoài Thu đã yêu thích chèo từ khi còn rất bé. Năm 2001, chỉ một năm sau khi bước chân vào làng chèo, Hoài Thu đã giành được Huy chương Vàng trong Hội diễn Sân khấu Truyền thống với vai Thị Mầu. Vẫn những vũ điệu cơ bản nhưng Hoài Thu múa với phong cách mới, nhanh hơn. Cô Thị Mầu-Hoài Thu má lúm đồng tiền trẻ trung nhanh chóng gây ấn tượng với khán giả.

Trong vai Thị Mầu làm mê hoặc khán giả, những diễn viên trẻ này chỉ là một số trong những gương mặt tiêu biểu của làng chèo. Và đến một ngày nào đó, họ sẽ lại tiếp tục truyền nghề cho lớp đàn em để cho hình ảnh Thị Mầu còn sống mãi với thời gian.

Thanh Hoài trở thành diễn viên chèo chuyên nghiệp như thế nào?

Diễn viên Thanh Hoài (Nhà hát Chèo Việt Nam) là một tên tuổi quen thuộc trên chiếu chèo. Theo nghề chèo đã hơn 30 năm, chị thường vào vai nữ chín, như tiên nữ Giáng Hương nặng nghĩa nặng tình, hay

of costume, it was hard to believe that she had just been Thị Mầu, a classical character of the *chèo* stage.

Of those performing, Hoài Thu, was the youngest to succeed as Thị Mầu. Born in Thái Bình, a cradle of *chèo* art, Hoài



Thu has had a passion for *chèo* since she was very young. In 2001, just one year into her career, Hoài Thu won the gold medal at the Traditional Stage Festival in her role as Thị Mầu. Using the traditional dance structure, she developed a new style with a faster tempo. With her dimpled cheeks, the young Thị Mầu-Hoài Thu quickly impresses an audience.

These young artists, who mesmerised spectators as Thị Mầu, are only some of the faces of the *chèo* stage. One day they, too, will pass their mantle to a new generation and keep the image of Thị Mầu alive.

How did Thanh Hoài become a professional *chèo* actress?

Actress Thanh Hoài of the Việt Nam *Chèo* Theatre Company is a well-known name on the *chèo* stage. She has performed for over thirty years and often plays good characters such as the faithful fairy,

Châu Long tần tảo.
Chị bảo: “Có lẽ
tạng tôi không
đóng ác nghiệt,
chua ngoa được, dù
đã học đầy đủ các
loại vai cơ bản, cả
chín cả lệch”.

Thanh Hoài
sinh ở Thái Bình,
một trong bốn
vùng chèo nổi
tiếng ở Việt Nam
nhưng trong nhà
lại không có ai làm
chèo chuyên



ngiệp. Thanh Hoài đến với chèo rất tình cờ. Một
hôm, khi đang chăn trâu cắt cỏ trên bờ đê sông
Luộc thì chị nghe loa thông báo Đoàn Chèo nhân
dân trung ương (nay là Nhà hát Chèo Việt Nam)
tuyển người. Thế là chị bỏ cả trâu và rổ đựng cỏ,
chạy bộ năm ki-lô-mét xuống thị trấn dự tuyển. Ai
ngờ cô bé nhút nhát, chỉ học lỏm vài câu chèo từ
những lần đi xem văn nghệ ở làng, lại trúng tuyển.
Đã thế lại còn nói giọng “l, n”. Nhưng khi cất
giọng lên là ban giám khảo bị giọng hát ngọt ngào,
mượt mà của chị chinh phục ngay.

Thanh Hoài theo Đoàn lên Hà Nội học ba năm
(1965-1968), rồi đi lưu diễn phục vụ bộ đội, thanh niên
xung phong ở chiến trường.

Thanh Hoài làm việc không mệt mỏi suốt mấy chục
năm. Những năm gần đây, chị đi diễn ở Paris, London,

Giáng Hương, and the hardworking wife, Châu Long. She says of these roles, "Perhaps my personality is not suitable for cruel, sharp-tongued, or shrewish ladies, even though I have been trained to play both good and evil characters."

Actress Thanh Hoài was born in Thái Bình Province, one of the four most famous *chèo* areas in Việt Nam. However, none of her family members is a professional *chèo* singer. She became a professional by accident. One day while she was cutting grass and grazing a buffalo by the Luộc River, she heard a loudspeaker announcing tryouts for the People's Central Chèo Troupe (present-day Việt Nam Chèo Theatre Company). She abandoned the buffalo and her basket of grass and ran five kilometres to the district town to participate in the contest. No one expected the shy little girl who had picked up a few *chèo* tunes from village performances to win the examiners' hearts. She even lisped the letters "l" and "n." However, her soft, sweet voice conquered the examiners as soon as she began to sing.

Thanh Hoài went with the troupe to its headquarters in Hà Nội and trained there for three years, from 1965 to 1968. After that, she travelled and performed for soldiers and young volunteers on the war front.

Thanh Hoài has worked tirelessly for decades. In recent years, she performed in Paris, London, and Brussels. She has won ten medals from regional, national, and international contests. Her most impressive and unexpected achievement was the gold medal at the 1990 National Professional Theatre Contest held in Thái Bình Province. The lead

Brussels. Chị đã giành được mười huy chương các loại tại các cuộc thi khu vực, toàn quốc và quốc tế. Thành tích gây ấn tượng nhất và bất ngờ nhất là chiếc Huy chương Vàng tại Hội diễn Sân khấu chuyên nghiệp toàn quốc 1990. Chị là diễn viên dự bị, nhưng chị đã diễn thật ấn tượng thay cho diễn viên chính ốm đột xuất.

Hiện giờ, chị không còn quá vất vả như những năm 1980, khi chị phải trồng rau, nuôi lợn, chăm sóc mẹ đẻ, mẹ chồng, con dại khi chồng đi vắng. Cùng lúc đó chị vẫn miệt mài biểu diễn, tập vai mới. Hai con gái chị đều đã có gia đình riêng, nên chị có phần thanh thoi hơn. Tình yêu của chị dành cho chèo lại càng mãnh liệt hơn. Đã 50 tuổi nhưng giọng hát của chị vẫn ngọt ngào, trong vắt, da diết. Ngoài chèo ra, chị còn hát ca trù, chầu văn, xẩm, quan họ.

Chị vẫn miệt mài đi hát, thu băng và giảng dạy chèo ở các trường nghệ thuật. Mọi người ở Đài Tiếng nói Việt Nam toàn gọi chị là “lão tướng” vì đã biết rõ chị từ hồi còn thu thanh giá một, một hào rưỡi một bài, đủ để mua hai chiếc kem.

Sau nhiều năm đóng vai chính, Thanh Hoài lùi về trong những vai phụ, nhường sân khấu cho lớp diễn viên trẻ hơn. Chị tâm sự: “Mình già rồi, phải để cho lớp trẻ chinh chiến. Lớp trẻ bây giờ khá lắm”.

Tào Mạt có đóng góp gì cho sự phát triển của chèo thời hiện đại?

Tào Mạt, tên khai sinh là Nguyễn Đăng Thục, sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo ở huyện Thạch Thất, Hà Tây (cách Hà Nội 45 ki-lô-mét). Sau Cách

actress suddenly fell ill: Thanh Hoài performed impressively as an understudy.

Her personal life is much easier now than in the 1980s. Back then, she grew vegetables, raised pigs, and took care of her mother, mother-in-law, and young children while her husband travelled. At the same time, she performed and studied new roles. Since her two daughters are now married, she has more time for herself. Her love for *chèo* has grown even stronger. Although she is fifty years old, her voice is still sweet, crystalline, and enthusiastic. She also sings other forms of traditional music such as *ca trù*, *chầu văn*, *xẩm*, and *quan họ*.

Her other activities are singing, recording, and teaching *chèo* at art schools. She appears at the Voice of Việt Nam recording studio so often the staff members call her "Veteran General." They have known her since her fee was one or 1.5 hào (one-tenth of a đồng) for a recorded song, enough to buy two ice creams.

After years as a lead actress, Thanh Hoài now plays supporting characters, leaving the central stage for younger performers. She says, "I am old now. Let the young generation take up the challenge. They are very talented."

What has been Tào Mạt's contribution to the development of chèo in modern times?

Tào Mạt (the stage name of Nguyễn Đăng Thục) was born into a poor peasant family in Thạch Thất District, Hà Tây Province, forty-five kilometres



mạng Tháng Tám 1945, ông vào bộ đội, đi kháng chiến. Khi đó, ông không hề dám mơ trở thành người cầm bút chuyên nghiệp.

Năm 1957, Tào Mạt được xem vở chèo cổ *Quan Âm Thị Kính*. Ông phải lòng chèo ngay lập tức. Ông leo đèo theo Đoàn Chèo Hà Nội xem họ tập vở, xem diễn, học múa, học hát. Chỉ trong một thời gian ngắn, ông học được khá nhiều làn điệu chèo. Từ đó ông quyết tâm dấn thân vào sân khấu chèo.

Ông tự học chữ Hán, chữ Nôm, tinh thông lịch sử, triết học, và các loại hình nghệ thuật khác. Từ những năm 1960, ông là người đi tiên phong viết hàng chục vở chèo lấy đề tài về cuộc sống hiện đại, rất được hoan nghênh trong các hội diễn sân khấu toàn quốc.

Vở *Bài ca giữ nước* gồm ba tập, nội dung nói về triều Lý (thế kỷ 11–13) đã gây chấn động người xem những năm 1980 với những quan điểm xã hội rất hiện đại. Vở chèo phê phán các thế lực bảo thủ cản trở cải cách xã hội, ủng hộ phụ nữ tham gia cầm quyền. Nhân

from Hà Nội. After the 1945 August Revolution, he joined the army and took part in the resistance. At that time, he never thought he would become a professional writer.

In 1957, Tào Mạt watched a traditional *chèo* play, *Thị Kính, the Goddess of Mercy*, and immediately fell in love with this theatrical art form. He later followed the Hà Nội *Chèo* Company to watch its rehearsals and performances and started learning *chèo* songs and dances. After a short time of practice, Tào Mạt mastered a number of *chèo* airs and was determined to pursue the *chèo* stage.

Quite separately, he studied Chinese and *Nôm* characters by himself and became accomplished in history, philosophy, and other arts. From the 1960s on, he was an avant-garde scriptwriter who drew stories from modern life to create *chèo* plays that were lauded at national stage festivals.

His play *A Song to Preserve the Nation* (*Bài ca giữ nước*) in three volumes about the Lý Dynasty (eleventh to thirteenth centuries) produced an audience stir during the 1980s because of its modern social views. The play criticises conservative forces impeding social reforms and supports women holding power. The character Hê Già (Old Buffoon) impressed the audience with his optimism and patience before his death.

After Tào Mạt died in 1993, *Bài ca giữ nước* received a gold medal at a festival held in the ancient capital of Hoa Lư (Ninh Bình Province). The

vật hề già gầy ấn tượng mạnh cho khán giả bằng tinh thần lạc quan, kiên trì cho đến trước lúc chết.

Sau khi Tào Mạt qua đời năm 1993, vở *Bài ca giữ nước* đoạt Huy chương Vàng tại hội diễn ở cố đô Hoa Lư, Ninh Bình. Ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học-nghệ thuật cho những thành công và đóng góp của mình cho chèo.

Nhà nghiên cứu nào tự học chèo?

Đó là Hà Văn Cầu. Ông tự học mà thông thạo tiếng Pháp, tiếng Hán. Ông là nhà nghiên cứu chèo nổi tiếng. Suốt mấy chục năm qua, ông giảng dạy chèo tại Trường Đại học Sân khấu-Điện ảnh Hà Nội.

Ông từng tham gia biên soạn các mục từ về sân khấu trong *Từ điển bách khoa Việt Nam* và *Bách khoa thư Hà Nội*. Những công trình nghiên cứu của ông được in thành các tập sách chuyên đề như *Tìm hiểu phương pháp viết Chèo* (1969), *Tấu thơ và Tấu chèo* (1972), *Tuyển tập Hề chèo* (1972), *Máy vấn đề kịch bản Chèo* (1979), *Bình diện kỹ thuật trong diễn xuất Chèo* (2000). Rất nhiều sách trong số này đã được giải thưởng của Hội Văn nghệ dân gian.

Nhiều công trình nghiên cứu của ông được các học giả nước ngoài quan tâm đến chèo tìm hiểu và ca ngợi, được dịch ra các thứ tiếng Đức, Pháp, Hung-ga-ri, Nhật Bản.

Tại một hội nghị quốc tế về sân khấu tổ chức ở Đức năm 1978, bài tham luận của ông, *Đóng góp vào việc nghiên cứu hiệu quả gián cách của Brecht*

Government awarded Tào Mạt the Hồ Chí Minh Prize in Literature and Arts for his achievements and contributions to *chèò*.

Which researcher trained himself in the art of chèò?

Hà Văn Cầu. He taught himself French and Chinese scripts and is now fluent in both. He is particularly well known as a *chèò* researcher. For several decades, he has lectured on *chèò* at the Hà Nội-based University of Theatre and Cinematography.

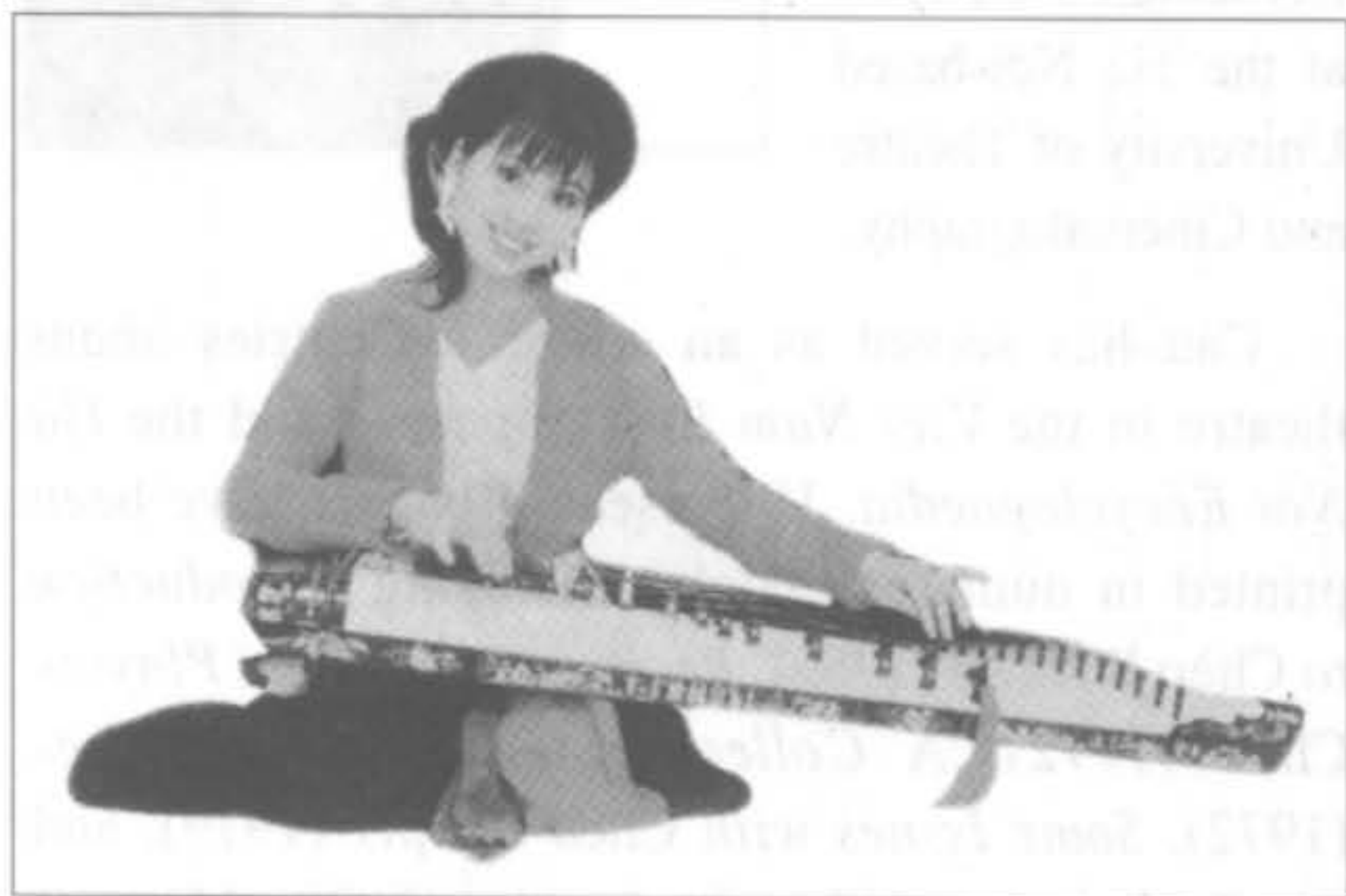


Cầu has served as an editor for entries about theatre in the *Việt Nam Encyclopaedia* and the *Hà Nội Encyclopaedia*. His research papers have been printed in numerous books, including *Introduction to Chèo Writing* (1969), *Reciting Poems and Playing Chèo* (1972), *A Collection of Chèo Comedies* (1972), *Some Issues with Chèo Scripts* (1979), and *The Techniques of Chèo Performing* (2000). Many of

trong các sân khấu phương Đông, đã thu hút được sự chú ý của đông đảo thành viên tham dự. Sau đó, bài tham luận của ông đã xuất hiện trên báo chí nhiều nước.

Hà Văn Cầu đã viết được gần 30 kịch bản cho sân khấu truyền thống, phần lớn là cho chèo. Đặc biệt, hai kịch bản *Quán ba cô* và *Lê Quý Đôn* của ông đã đoạt Giải Nhất và Giải Nhì, do Hội Nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam tặng năm 1993.

Được hỏi về nguyên nhân của thành công, ông cười, nói: “Cái thời trai trẻ của tôi, có vị nhà thơ tuổi đàn anh tôi phán tôi chẳng viết được đâu. Nhưng tôi coi đó là câu nói có ích, giúp tôi cố gắng vươn lên”. Rồi ông nhắc tới người thầy cũ của ông là Lộng Chương, người đã giúp ông rất nhiều trên con đường sự nghiệp. Trong câu nói ấy, Hà Văn Cầu thể hiện cái chất Hán học đậm nét – “nhất tự vi sư, bán tự vi sư.”



these books have won prizes from the Việt Nam Folk Art Association.

Overseas scholars interested in *chèo* consult his research papers and praise his works, which have been translated into German, French, Hungarian, and Japanese.

At an international conference on theatre held in Germany in 1978, his report, "Contributions to Studies of the Use of Brecht as Interruptive Effects on Oriental Theatre," drew broad attention from conference participants. Subsequently, the report appeared in numerous foreign newspapers.

Cầu has written nearly thirty traditional opera scripts: most are *chèo*. His scripts, *The Three Sisters' Restaurant* (Quán Ba Cô) and *Lê Quý Đôn* (the name of a celebrated Vietnamese scholar), won the first and second prizes respectively from the Việt Nam Association of Theatrical Artists in 1993.

Asked about his recipe for success, he said, smiling, "When I was young, a senior poet warned me that I would not be able to write anything readable. His warning served as a stimulant to my later effort." He also fondly recalls his former teacher, Lộng Chương, who helped him with his career. In this Cầu has turned out to be a Confucian scholar, for Confucians remember the famous saying about respect for teaches: "One word is a teacher; half a word is a teacher."

IV. ÂM NHẠC CHÈO

Âm nhạc trong chèo bắt nguồn từ đâu?

Ở Việt Nam thời xa xưa, trong các nghi lễ hát múa đã xuất hiện những làn điệu độc đáo nhằm tôn vinh công đức của thần chủ lễ hội. Người Việt Nam đã truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác những màn biểu diễn này, từ mức độ dễ nhất đến phức tạp nhất. Mỗi thế hệ lại thêm vào đó những sáng tạo riêng. *Chèo sân đình* bắt nguồn từ những nghi lễ mang tính chất tâm linh hay thể tục ấy. Âm nhạc của chèo sân đình phong phú, đa dạng.

Trải qua nhiều giai đoạn lịch sử của dân tộc Việt Nam, chèo cổ với vốn âm nhạc đặc sắc đã có nhiều thay đổi. Phần lớn trong tổng số gần 200 làn điệu chèo có gốc gác từ dân ca đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ.

Hát chèo như thế nào?

Diễn viên chèo, dù đóng vai kép, nữ chính, hề hay vai lệch (thường là một người chống lại các giá trị đạo đức xã hội, không nhất thiết phải là người làm điều ác) khi hát phải tròn vành rõ chữ, thể hiện được thanh tượng của nhân vật. Họ phải phát âm đúng ngữ điệu và rõ chữ. Các sắc thái tình cảm - vui buồn, đau khổ - của nhân vật phải toát lên được qua tiếng hát, kể từ giọng kim, giọng thổ, giọng đồng... Diễn

IV. MUSIC

What is the origin of chèo music?

In Việt Nam's distant past, song and dance ceremonies honoured deities with special melodies describing their distinguished deeds. Vietnamese have handed these performances, from the simplest to the most sophisticated, down from generation to generation. Each generation has added innovative characteristics. *Chèo sân đình*, a popular *chèo* art form performed at village communal houses, springs from these spiritual and secular ceremonies. Its inherited music is rich and diverse.

The classical *chèo* theatrical performance of today, including its specialised music, has undergone many changes over the long course of Vietnamese history. A majority of the nearly 200 original *chèo* melodies originates from folksongs of northern and central Việt Nam.

How should chèo songs be sung?

Actors and actresses performing *chèo* – whether as central characters, heroes, heroines, buffoons, or villains (often a person who counters society's moral standards, not necessarily one who does evil) – must sing clearly to show their characters' unique physical characteristics. They must enunciate both the tones and words. Each feeling – whether happy and joyful or sad and miserable – is expressed with a certain

viên phải thể hiện thật dạt các từ tượng thanh đây giá trị biểu cảm.

Trong chèo, diễn viên có được bề lân nắn điệu không?

Bề lân nắn điệu là một đặc điểm nổi bật trong nghệ thuật chèo. Nhạc công chèo cổ rất giỏi bề lân nắn điệu cho phù hợp với từng màn diễn. Diễn viên chèo sử dụng làn điệu để thể hiện các sắc thái tình cảm khác nhau từ tức giận, buồn đau đến vui sướng nhằm cuốn hút người xem.

Một khúc hát chèo có thể có nhiều lời nhưng chỉ một giai điệu hoặc ngược lại. Một bài hát do nhiều vai trò khác nhau cất lên thì làn điệu cũng theo đó mà thay đổi vì diễn viên chèo truyền thống phải biết chuyển đổi giai điệu cho phù hợp với vai trò. Trong khi diễn viên ồ-pê-ra phương Tây phải thuộc lòng từng lời hát thì các diễn viên và nhạc công chèo cổ phải theo nhịp độ tình cảm của vai trò và tích hát để bề lân nắn điệu.

Nhạc cụ chính dùng trong chèo là gì?

Ca kịch dân tộc Việt Nam đều phải có nhạc cụ đệm cho hát. Ngày xưa, trên chiếu chèo sân đình có cây hồ, nhị, sáo. Bộ gõ luôn đóng vai trò chính, gồm trống con, trống cái, trống cơm, thanh la, mõ. Trống con dùng để giữ nhịp cho hát, cho múa và đệm cho hát. Câu nói xưa “phi trống bất thành chèo” chỉ vị trí quan trọng của chiếc trống trong đêm diễn chèo. Các nhạc cụ như nhị cùng với bộ

unique nuance of voice: metal voice (*kim*), earth voice (*thổ*), copper voice (*đồng*), and so on. These sung sounds give rise to sophisticated onomatopoeic associations that audiences treasure.

Can performers change the lyric and melody of a chèo song?

Subtle dramatic changes in lyrics and melodies are an outstanding feature of *chèo*. Classical *chèo* musicians are skilful at modifying melodies to suit each presentation. *Chèo* actors use melody and words to portray a range of emotions from anger to sorrow to joy in order to evoke feelings from the audience.

A *chèo* song may have many verses with only one melody or vice versa. A song may differ when sung by different characters since the traditional *chèo* performer adjusts the melody for the character. While Western opera singers learn lyrics by heart, classical *chèo* artists and musicians modify melodies depending on the mood of the circumstances and on their interpretation of each character and of the story.

What are the main musical instruments for chèo?

Vietnamese operas always have background music. The traditional instruments used on a *chèo sân đình* stage include the *hố* and the *nhị*, two double-stringed instruments; and the *sáo*, a bamboo flute. The percussion also plays a major role and includes a small drum (*trống con*), large drum (*trống cái*), the horizontal cylinder-like drum (*trống cơm*), gong



trống có thể làm nên dàn nhạc hoàn chỉnh. Trống tốt có thể khóa lấp cho diễn xuất yếu.

Trong chèo hiện đại, có sử dụng thêm các nhạc cụ khác để làm phong phú thêm phần đệm như thập lục, tam thập lục, nguyệt, tiêu.

V. LÀNG CHÈO

Một trong những chiếu chèo thành công nhất là chiếu chèo làng nào?

Đó là chiếu chèo làng Thiết Trụ, xã Bình Minh, Hưng Yên, cách Hà Nội 60 ki-lô-mét về phía đông nam. Từ chiếu, trước buổi biểu diễn hàng giờ đồng hồ, khán giả đã ngồi kín sân đình. Ai đến sát giờ mở màn chỉ có nước leo lên cây đa hay ngồi tràn lên cổng tam quan mà xem.

Đội chèo làng Thiết Trụ được thành lập từ những năm 1960, tất cả các thành viên đều là tình nguyện. Họ

(*thanh la*), and the wooden tocsin (*mõ*). The small drum helps to maintain both rhythm in song and dance and a dramatic background to the singing. The old saying, "There's no *chèo* without a drum," proves the importance of the drum in a *chèo* performance. Instruments such as the *nhị*, combined with a drum set, can make a perfect orchestra. Good drumming can make up for a weak performance.

In modern *chèo*, other musical instruments enrich the background music. The sixteen-stringed zither (*thập lục*), hammer dulcimer (*tam thập lục*), double-stringed lute (*nguyệt*), and the flute (*tiêu*) add their harmonious influences.

V. CHÈO VILLAGES

Which is one of the most successful chèo village troupes?

Thiết Trụ Village Troupe, Bình Minh Commune (Hung Yên Province), sixty kilometres southeast of Hà Nội. The audience always fills the courtyard of the communal house by late afternoon, hours before the troupe stages its show. Spectators who arrive just before the curtain rises have to watch from the courtyard banyan tree or from atop the communal house gate.



không chỉ biểu diễn cho dân làng xem, mà còn đi các tỉnh khác. Đi thi lần nào đoàn cũng đoạt giải cao. Tuy nhiên đoàn ngừng biểu diễn sau năm 1975 khi điều kiện kinh tế khó khăn, vì các thành viên còn phải lo kiếm sống. Thỉnh thoảng họ cũng có tụ họp, ôn lại kỷ niệm xưa cũ, hát dân điệu chèo cổ.

Năm 1995, đoàn chèo Thiết Trụ được hồi sinh khi làng Thiết Trụ được chọn làm điểm xây dựng “Làng văn hóa”. vở *Tình quê Thiết Trụ*, vở đầu tiên cho ra mắt sau 20 năm, ngay lập tức thu hút được sự chú ý của dân làng. Năm 1996, đoàn công diễn vở *Giữ trọn tình quê*. Một năm sau, vở diễn dài hơi nhất *Mỗi tình ven sông* ra đời.

Xem họ biểu diễn, ít ai nghĩ rằng các diễn viên trên sân khấu ban đêm lại là nông dân, ban ngày chân lấm tay bùn ngoài ruộng.

Các thành viên trong đoàn đều cống hiến hết mình cho chèo. Chị Nguyễn Thị Xuất, làm nghề tráng bánh cuốn, sau mỗi buổi tập đêm nào cũng

The *Thiết Trù Chèo* Troupe, all of whose members are volunteers, was formed in the 1960s. It performed not only for commune residents but also travelled to play for audiences in other locations. The troupe won high prizes whenever it entered a theatrical contest. However, the troupe stopped performing after 1975, when economic conditions became extremely difficult, because its members were too busy making a living. However, from time to time, the artists gathered to recall the past and sing classic *chèo* songs.

The troupe revived in 1995 when *Thiết Trù Village* implemented its project "Cultural Village." *Love for Thiết Trù* (Tình quê Thiết Trù), its first publicly performed play after twenty years, stirred immediate local interest. The troupe went on to stage *Maintaining Love for the Homeland* (Giữ trọn tình quê) in 1996 and one year later performed its longest play, *Love Story by the River* (Mối tình ven sông).

Watching their skilful performance, one can hardly believe the artists on the stage at night are farmers who work in the rice paddies by day.

The group members sacrifice for *chèo*. Nguyễn Thị Xuất, who sells rice pancakes (*bánh cuốn*), prepares the cakes for the next day's market late at night, after she has practised *chèo* with the troupe. Another group member, Lan, sells ceramics in Hà Nội but always returns in time for rehearsals. Mrs. Huế tours with the group to faraway locations even though she has to be home with her three-month-old

phải thức khuya làm hàng cho buổi chợ sớm mai. Một thành viên khác của đoàn, chị Lan đi bán đồ gốm tận Hà Nội nhưng mỗi khi có vở cũng kịp về cùng tập với đội. Chị Huế có con nhỏ chưa đầy ba tháng nhưng đi diễn ở tỉnh cũng không bỏ dù diễn xong phải về ngay trong đêm. Anh Nguyễn Văn Viện bận rộn công việc trên huyện nhưng cũng không từ chối vai diễn nào.

Bác Lê Văn Đức, người viết kịch bản cho đội, nói về tình yêu của mình với chèo: “Tôi viết kịch bản chèo phần vì mê chèo, phần vì được bà xã động viên khuyến khích”. Bà xã bác chính là cô Mỹ, diễn viên chính đồng thời là đội phó đội chèo. Đến nay, bác Đức đã viết được mười kịch bản chèo, trong đó có hai vở giành được rất nhiều giải. Đứa cháu ngoại bác mới năm tuổi cũng đã biết hát chèo đúng điệu, đúng nhịp. Chiều chèo làng Thiết Trụ nay mai rồi sẽ trông cây cạ vào những diễn viên nhí như thế.

Đội chèo Thiết Trụ trụ được là nhờ có sự ủng hộ của dân làng. Dân làng đóng góp cả thời gian và tiền bạc. Các cụ trong làng đứng ra xây dựng sân khấu làm chỗ cho đội luyện tập, biểu diễn. Các cụ đặc biệt quan tâm đến trang phục vì trang phục đóng vai trò rất quan trọng cho thành công một buổi diễn. Từ năm 1995 đến nay, thôn đã đầu tư hơn mười triệu đồng mua trang phục cho đội.

Một lần, các cụ trong làng xem vở *Mối tình ven sông* thấy không hài lòng với chiếc mũ vương miện của nhân vật nam, liền quyết định phải mua một chiếc mũ mới. Các cụ cứ cụ Tương 70 tuổi lên Hà

daughter by the day's end. Nguyễn Văn Viên is busy with his work at the district office, but he has never refused a role.

Lê Văn Đức, playwright for the group, explains his love for *chèo*: "I write scripts because I like *chèo* and because my wife encourages me to do so." His wife, Mễ, is the lead actress and deputy head of the group. Đức has written ten scripts, winning numerous prizes for two of them. Đức's granddaughter is only five years old, but she can sing *chèo* songs correctly. The future of the village troupe will depend on such young singers.

The Thiết Trụ *Chèo* Troupe relies on community support. Villagers donate their time and money. The elderly built a stage at the communal house for the troupe to practise and perform. The villagers pay special attention to the costumes since these are very important for the success of performances. Since 1995, the community has contributed more than ten million *đồng* (US\$ 667) to buy costumes for its troupe.

Once, while watching a rehearsal of *Love Story by the River* (Mối tình ven sông), the village elders were not happy with an actor's royal hat and decided to buy a new one. They sent Tương, age seventy-two, to Hà Nội to buy it. After he had bought the hat for 170.000 *đồng* (US\$ 11.33), the old man suddenly remembered that the troupe also needed new royal suits. He immediately bought two royal suits for 300.000 *đồng* (US\$ 20), going beyond the authority entrusted to him.

Nội mua mũ. Mua xong chiếc mũ giá 170 nghìn đồng, cụ chợt nhớ ra đội cũng đang cần hoàng bào. Cụ bỏ tiền mua luôn hai bộ, mất gần 300 nghìn đồng, vượt quá cả quyền hạn mọi người trao cho cụ.

Người Thiết Trụ xa quê cũng đóng góp cho đội. Có người ủng hộ đội hơn 50 bộ trang phục, đủ cả từ quần áo người hầu đến xiêm y công chúa.

Bằng cách huy động đóng góp của cộng đồng, làng Thiết Trụ nêu một tấm gương sáng về cách khôi phục và phát triển chèo ở các làng quê. Nếu kinh nghiệm này được vận dụng phù hợp ở các làng khác, chắc chắn chèo sẽ phát triển nở rộ.

Làng nào đóng góp nhiều diễn viên chèo chuyên nghiệp cho các đoàn chèo?

Đó là làng Khuốc ở Thái Bình. Các diễn viên chèo làng Khuốc đã từng hơn một lần gây ấn tượng mạnh với khán giả trong và ngoài nước với tiếng hát đậm thắm, ngọt ngào, có sức lay động lòng người. Làng Khuốc là một trong ba làng chèo nổi tiếng ở Thái Bình. Do đó, Thái Bình trở thành một trong những cái nôi chèo của Việt Nam.

Không ai biết chính xác cội nguồn của chèo làng Khuốc. Dân làng cho biết họ đã biểu diễn chèo từ rất xưa. Vào thời cực thịnh, làng Khuốc có đến tám đội chèo. Những cái tên như Phạm Văn Điền, Đào Thị Na, Hà Quang Bổng, Cao Kim Trạch đã trở nên quen thuộc.

Làng Khuốc là nơi cung cấp nhiều diễn viên tài năng cho Nhà hát Chèo Việt Nam và đoàn chèo các tỉnh bạn. Chèo làng Khuốc có phong thái đặc sắc riêng.

Even those who have left the village to settle elsewhere contribute. A native of Thiết Trụ Village, who is living away from home, donated over fifty costumes, everything from a maid's uniform to a princess's dresses.

By mobilising community support, Thiết Trụ Village has set a good example of how rural villages can revive and develop their *chèo* tradition. If this experience is properly adapted in other communities, *chèo* is certain to flourish.

Which village has contributed many artists to professional chèo theatre companies?

Khuốc Village in Thái Bình Province. *Chèo* artists from Khuốc Village have more than once impressed Vietnamese and foreign audiences with their ardent, sweet, and moving singing. Khuốc is one of the three famous *chèo* villages in Thái Bình Province. In turn, Thái Bình is one of Việt Nam's *chèo* cradles.

No one knows the exact origins of Khuốc *chèo*; villagers say they have performed since ancient times. At the peak of its theatrical development, the village had eight *chèo* groups. Some Khuốc performers such as Phạm Văn Điền, Đào Thị Na, Hà Quang Bổng, and Cao Kim Trạch have become household names.



Diễn viên ở các đoàn như Hà Tây, Hưng Yên, Hà Nam, Hải Dương thường về tận làng Khuốc để học hỏi.

Dân làng Khuốc tự biên tự diễn rất nhiều vở. Vở *Vườn cam* (1958) đánh dấu đỉnh cao thành công của chèo làng Khuốc. Các vở nổi tiếng khác là *Chiếc cày cải tiến* (1965), *Quê lúa tình người* (1972), *Niềm vui của mẹ* (1988), *Đôi bạn đồng hành* (1990). Bên cạnh đó các vở chèo cổ như *Lưu Bình-Dương Lễ*, *Quan Âm Thị Kính*, *Trương Viên* vẫn được người làng Khuốc thường xuyên luyện tập, biểu diễn.

Làng Khuốc có nhiều hoạt động để bảo tồn vốn quý chèo, trong đó có câu lạc bộ chèo hoạt động tích cực. Bác Khoa, một thành viên câu lạc bộ, không giấu nổi niềm tự hào, khoe: “Câu lạc bộ chúng tôi cứ đi hội diễn là được huy chương vàng”.

Nhiều gia đình có tới ba, bốn thế hệ trên cùng chiếu chèo. Người già truyền lại cho lớp trẻ các kỹ năng trong biểu diễn chèo. Hằng ngày, cụ Cao Kim Thạch, 95 tuổi, vẫn dạy các nghệ sĩ trẻ cách hát chèo. Nhiều diễn viên

Khuốc Village supplies talented artists to the Việt Nam *Chèo* Theatre Company as well as *chèo* theatres in other provinces. Khuốc *chèo* is unique: *chèo* artists from Hà Tây, Hưng Yên, Hà Nam, and Hải Dương journey to Khuốc Village for training.

Khuốc villagers have staged many *chèo* plays they themselves wrote. One of them, *The Orange Orchard* (Vườn cam, 1958) marked the height of success for Khuốc *chèo*. Other famous plays are *An Improved Plough* (Chiếc cày cải tiến, 1965), *The Homeland of Rice and Humanity* (Quê lúa tình người, 1972), *The Mother's Joy* (Niềm vui của mẹ, 1988), and *Two Companions* (Đôi bạn đồng hành, 1990). Meanwhile, the village continues to rehearse and perform classical plays, such as *Lưu Bình and Dương Lễ*, *Trương Viên*, and *Thị Kính, the Goddess of Mercy*.

The village has many activities to preserve its *chèo* tradition, including an active *chèo* club. Club members are all ages. One member, Khoa, shone with pride, saying, "Our club wins gold medals in all the *chèo* festivals and competitions we enter."

In many families, three or even four generations perform together. The old pass down *chèo* skills to the young. Every day, Mr. Cao Kim Trách, age ninety-five, trains young artists how to sing *chèo* lyrics. *Chèo* actors as young as thirteen have won gold and silver medals in *chèo* contests.

Khuốc villagers have captured their love for *chèo* in their following song:

mới 13 tuổi đã đoạt huy chương vàng, bạc trong các cuộc thi hát chèo.

Niềm đam mê chèo của người dân làng Khuốc thể hiện trong bài hát sau:

*Ăn no rồi lại nằm khoèo
Nghe tiếng trống chèo vỗ bụng đi xem
Chẳng thèm ăn chả ăn nem
Thèm no cơm tẻ, thèm xem hát chèo.*

VI. TƯƠNG LAI PHÁT TRIỂN

Tại sao hiện nay chèo lại gặp khó khăn?

Người Việt Nam, đặc biệt là ở vùng nông thôn, không phải là đã quay lưng lại với tuồng, chèo, cải lương. Nhưng các đoàn nghệ thuật truyền thống vẫn đang loay hoay đi tìm khán giả.

Giáo sư nghệ thuật biểu diễn truyền thống Trần Bằng giải thích về nghịch lý này: “Chúng ta thiếu một đội ngũ cán bộ có chất lượng, nhất là những cây viết chuyên cho kịch hát dân tộc. Chúng ta đang sử dụng các nhà biên kịch được đào tạo viết kịch nói theo kiểu phương Tây để viết kịch bản cho kịch hát dân tộc. Kịch nói của phương Tây khác với kịch hát dân tộc về kết cấu, văn chương, cách xây dựng hình tượng nhân vật, đoạn kết. Do đó, một số vở tuồng, chèo, cải lương đã đánh mất bản sắc nghệ thuật, na ná như kịch nói”.

*Having had a good meal, I lie idle
But as soon as I hear the sounds of chèo drums,
I tap my belly and set off to watch the
performance.*

*Turning down high-class pork pies and spring rolls,
I just want to eat simple rice and watch
popular chèo.*

VI. FUTURE DEVELOPMENT

Why is chèo currently in crisis?

Vietnamese people, especially those living in rural areas, have not turned their backs on *tuồng*, *chèo*, and *cải lương* operas, yet professional theatre companies in these traditional art forms struggle to find audiences.

Trần Bảng, a professor of traditional performing arts, explains the paradox: "We lack qualified artists, especially playwrights, who can write decent plays for traditional operas. We are using playwrights trained in Western-style spoken drama to write scripts for traditional operas. Western-style dramas are different from traditional Vietnamese operas in terms of structure, language, character development, and denouement. Therefore, some *tuồng*, *chèo*, or *cải lương* operas have lost the

Kịch hát dân tộc chiếm hai phần ba số lượng các đoàn sân khấu cả nước và từng có một lực lượng sáng tác riêng của mình khá hùng hậu. Trong những năm 1960, chèo có hơn 20 nhà biên kịch, trong đó có những tên tuổi như Trần Huyền Trân, Lưu Quang Thuận, Hàn Thế Du, Việt Dung, Tào Mạt. Thừa dần theo năm tháng, đến nay đội ngũ này chỉ còn lại thừa thớt dăm ba cây bút. Những cây bút mới thì vẫn còn mai danh ẩn tích, chưa thấy xuất hiện để lấp vào chỗ trống. Số nhà biên kịch chuyên nghiệp ít ỏi còn lại không thể cáng đáng được nhu cầu kịch bản mới cho gần hai chục đoàn chèo chuyên nghiệp.

Đạo diễn kịch hát dân tộc, những người chịu trách nhiệm về việc tuồng phải ra tuồng, chèo ra chèo, cải lương ra cải lương, càng ngày càng thiếu trầm trọng. Người đạo diễn phải nắm vững đặc thù của từng loại hình kịch hát, phải biết chọn lọc, kết hợp nhuần nhuyễn các kỹ thuật hát, múa, biểu diễn.

Tiếc thay, rất ít các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp có đạo diễn chuyên trách. Thay vào đó, họ thường mời đạo diễn kịch nói dàn dựng kịch hát dân tộc, rồi trưng tên thành “chỉ đạo nghệ thuật” trong các chiến dịch quảng cáo. Một số ít đạo diễn kịch nói có hiểu biết sâu rộng về sân khấu truyền thống nên dựng được những vở kịch hát nghiêm túc. Song không ít đạo diễn “cách tân” một cách cầu thả nghệ thuật truyền thống.

Hầu hết đội ngũ nhạc sĩ, thiết kế sân khấu của tuồng, chèo, cải lương đang trong tình trạng bán chuyên nghiệp. Vào những năm 1970, mỗi kịch

identity of their original art form and have become spoken dramas."

Traditional opera companies account for two-thirds of the country's theatre companies and once had many scriptwriters. In the 1960s, there were more than twenty *chèo* dramatists, including famous names such as Trần Huyền Trân, Lưu Quang Thuận, Hàn Thế Du, Việt Dung, and Tào Mạt. However, over the years, the number of *chèo* dramatists has declined while fewer and fewer young dramatists have emerged to fill the gap. The few remaining professional dramatists cannot meet the twenty professional *chèo* troupes' need for new plays.

Traditional opera directors responsible for keeping *tuồng*, *chèo*, or *cải lương* operas true to their origins are also growing scarcer. Directors must understand the characteristics of each kind of opera as well as how properly to select and combine the skills of singing, dancing, and acting.

Unfortunately, few professional troupes have full-time directors. Instead, they often use spoken-drama directors to stage traditional operas and then credit the directors as "art instructors" in their advertising campaigns. Thanks to their extensive knowledge, some of these directors have assisted troupes to produce decent shows; however, many have bastardised the traditional art.

Most *tuồng*, *chèo*, and *cải lương* musicians and stage designers are amateurs. In the 1970s, each type of traditional opera had its own full-time musicians

chúng trong kịch hát dân tộc có riêng một đội ngũ nhạc sĩ, thiết kế sân khấu chuyên nghiệp. Về hội họa, Nguyễn Hồng của tuồng, Nguyễn Đình Hàm của chèo, Lương Đống của cải lương đã cố gắng duy trì phong cách riêng biệt cho từng kịch chủng. Ngày nay, nét đặc thù ấy đang mai một dần, vì mỗi họa sĩ áp đặt phong cách riêng của mình chung chung cho các kịch chủng. Về âm nhạc cũng vậy, đặc biệt là qua những bài hát mới mà nhạc sĩ đưa vào.

Giáo sư Trần Bảng kết luận: “Vì kịch hát dân tộc của chúng ta còn mang tính nghiệp dư nên khó thu hút được người xem. Trong những năm gần đây, đã xuất hiện những vở tuồng, chèo, cải lương cải biên ảnh hưởng xấu đến tính đa dạng của nghệ thuật dân tộc. Chúng ta cần phải đào tạo một đội ngũ những người viết, đạo diễn, nhạc sĩ, họa sĩ chuyên nghiệp cho từng kịch chủng”.

Giải pháp nằm trong nguyên nhân cốt lõi của vấn đề này: đó là khâu đào tạo. Từ năm 1958 đến năm 1994, Trường Đại học Sân khấu-Điện ảnh chỉ đào tạo diễn viên mà không có lớp nào dành cho biên kịch và đạo diễn kịch hát dân tộc. Mặc dù trường tổ chức các khóa học dành cho các đạo diễn và tác giả kịch bản kịch nói, nhưng trong chương trình không có phần dành cho kịch hát dân tộc.

Ấy thế mà sau khi ra trường, các cán bộ kịch nói vẫn tạt ngang sang làm kịch hát. Rất may là gần đây nước ta đã nhận ra thiếu sót này và đang cố gắng giải quyết tình trạng mất cân đối trong hệ thống đào tạo nghệ thuật biểu diễn.

and stage designers. Professional stage designers such as Nguyễn Hồng for *tuồng*, Nguyễn Đình Hàm for *chèo*, and Lương Đống for *cải lương* tried to maintain the unique style of their art form. Nowadays, this uniqueness is fading as each stage designer imposes his or her personal style on the traditional operas. The same is happening with the music, since writers often use modern popular songs in their classical operas.

“Since we’re performing amateur operas, it is difficult to attract audiences,” Prof. Trần Bảng concluded. “Some recently bastardised *tuồng*, *chèo*, and *cải lương* dramas have badly affected the traditional diversity of the arts. We need to train professional scriptwriters, directors, musicians, and stage designers for each specific kind of traditional opera.”

The solution lies in the problem’s roots: the training system. Between 1958 and 1994, the University of Theatre and Cinematography trained only actors and actresses but did not train dramatists or directors for traditional operas. Although it now runs courses for spoken-drama directors and playwrights, the curriculum does not include traditional opera.

Ironically, graduates of spoken drama schools often direct traditional operas. Luckily the country has recently recognised this drawback and is trying to address the imbalance in the performing arts training system.

Chèo có cơ hội tồn tại đến đâu?

Khi tấm màn Liên hoan Nghệ thuật Chèo truyền thống toàn quốc lần thứ nhất năm 2001 tại Hạ Long hạ xuống, một câu hỏi nhức nhối vẫn còn đó: “Liệu các diễn viên chèo có bám trụ được với nghề sau buổi hội ngộ này không?”

Nếu ta xem năm diễn viên đóng vai Xúy Vân – một nhân vật kinh điển – ta có thể xua tan đi lo ngại về tương lai của chèo. Mặc dù kinh nghiệm ở những diễn viên có thâm niên là cần thiết, sự tồn tại của chèo còn phụ thuộc vào số lượng vai diễn và, tất nhiên, sự hỗ trợ từ cộng đồng. Nhằm khôi phục nghệ thuật chèo truyền thống, cơ sở vật chất cho nhà hát và công tác đào tạo đã được tập trung đầu tư hơn. Các diễn viên có kinh nghiệm được khuyến khích truyền nghề cho lớp diễn viên trẻ.

Người Pháp đô hộ Việt Nam từ năm 1884 đến năm 1945, làm cho Việt Nam bị phương Tây hóa nhiều. Đô thị hóa và công nghiệp hóa cũng gây ra ít nhiều tác động. Chèo cổ dần dần không còn phù hợp với tầng lớp thị dân, nhất là sau Đại chiến I. Để tồn tại, người làm nghề cố gắng cải cách chèo. Chèo Nguyễn Hữu Tiến có khuynh hướng hiện thực và bắt chước phương Tây. Tuy có cải cách, chèo Nguyễn Đình Nghị vẫn cố bám bản chất chèo cổ. Nhưng, nhìn chung, chèo cổ đang mất dần.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, chính quyền nhân dân chủ trương phục hồi vốn cổ, trong đó có chèo. Năm 1957, một nhóm các nhà nghiên cứu chèo sưu tầm được hơn 100 mảnh chèo của các nghệ nhân bốn trung tâm chèo ở miền bắc Việt Nam: Đông (Thái

How good are chèo's chances of survival?

A disturbing question remained as the curtain descended after Việt Nam's first National Traditional *Chèo* Festival held in 2001 in Hà Long City: "Will *chèo* actors and the art of *chèo* survive this gathering?"

Watching five young actresses play Xúy Vân, a classical character, might dispel worries about the future of *chèo*. Although senior actors' experience is necessary, the continuity of *chèo* depends on a greater stage of characters and, of course, on more community support. To restore the traditional art of *chèo*, recent improvements have focused on theatrical facilities and training. Experienced artists have been encouraged to pass their knowledge and skill on to young actors.

The French dominated Việt Nam from 1884 to 1945, causing the country to become increasingly Westernised. Urbanisation and industrialisation also had an impact. Traditional *chèo* gradually fell out of favour with city dwellers, especially after the First World War. In order to survive, artists tried to reshape *chèo*. The *chèo* of Nguyễn Hữu Tiến, for example, tended toward realism and imitated Western drama. Nguyễn Đình Nghi adapted his work on the basis of traditional *chèo*; nevertheless, in general *chèo* was fading.

After the August Revolution of 1945, the Government supported the recovery of Vietnamese traditions, including *chèo*. In 1957, a group of *chèo* researchers collected over 100 skits from artists in four traditional *chèo* centres of northern Việt Nam:

Bình), Tây (Hà Tây), Bắc (Bắc Ninh), Nam (Hà Nam). Việc nghiên cứu, chỉnh lý các vở chèo cổ đem lại nhiều kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, việc hiện đại hóa chèo vẫn không kéo được khán giả quay lại rạp.

Theo nhà nghiên cứu chèo Hà Văn Cầu, trong khoảng thời gian từ 1959 đến 1964, Bộ Văn hóa Việt Nam đã tổ chức vài lớp tập huấn nhằm gìn giữ những tích chèo truyền thống. Mỗi lớp tập huấn kéo dài từ một đến ba tháng.

Sau đổi mới (1986), cạnh tranh từ các loại hình giải trí hiện đại như truyền hình, ra-đi-ô, điện ảnh, nhạc jazz khiến cho chèo càng lao đao. Các nghệ sĩ chỉ diễn trích đoạn được thôi. Bàn về việc xây dựng lại Nhà hát Chèo, ông Dương Ngọc Đức, nguyên Tổng Thư ký Hội Nghệ sĩ sân khấu, cho biết: “Khó dự đoán tương lai lắm.” Ông nói thêm: “Không ai dám bảo đảm rằng chúng ta sẽ có khán giả thường xuyên nếu như rạp được xây dựng lại.”

Thành công của Liên hoan Nghệ thuật Chèo toàn quốc lần thứ nhất tại Hạ Long đã phủ nhận nỗi lo ngại của ông Đức, cho thấy rằng chèo vẫn còn cần thiết đủ để thu hút khán giả. Nếu xét đến sự hưởng ứng đầy nhiệt tình ở Hạ Long thì chúng ta có thể tin tưởng quả quyết rằng khán giả Việt Nam vẫn mê chèo truyền thống. Nhà viết kịch quá cố Tào Mạt đã thành công trong việc hiện đại hóa các vở chèo bằng cách thể hiện lại những đặc điểm của chèo truyền thống. Người Việt Nam hiện đại sẽ tìm thấy hai yếu tố quan trọng trong chèo: chiều sâu của tâm hồn Việt Nam và đạo đức xã hội của cộng đồng Việt Nam truyền thống.

east (Thái Bình Province), west (Hà Tây Province), north (Bắc Ninh Province), and south (Hà Nam Province). Their research and editing of traditional *chèo* plays achieved encouraging results. However, the modernisation of *chèo* did not succeed in bringing the audiences back to the theatres.

According to *chèo* researcher Hà Văn Cầu, between 1959 and 1964, Việt Nam's Ministry of Culture held several workshops to restore classical *chèo* skits. Each workshop lasted from one to three months.

After Renovation in 1986, competition from modern entertainment such as TV, radio, movies, and jazz created even more difficulties. Artists performed only extracts. "The future is very difficult to predict," Dương Ngọc Đức said about reconstruction of the theatre. Mr. Đức is former General Secretary of the Association of Theatrical Artists. He added, "No one can ensure we will have regular audiences once the theatre is rebuilt."

The success of the First National Traditional *Chèo* Festival in Hạ Long challenges Mr. Đức's fears, showing that *chèo* is still vital enough to attract audiences. Given the enthusiastic response in Hạ Long, we can rest assured that Việt Nam's audiences still enjoy traditional *chèo*. The deceased playwright Tào Mạt succeeded in modernising *chèo* plays by reinterpreting the features of traditional *chèo*. Modern Vietnamese will discover two important elements in *chèo*: the depth of the Vietnamese soul and the social conduct of the traditional Vietnamese community.

Bộ Văn hóa Thông tin có kế hoạch tổ chức các liên hoan chèo năm năm một lần và trao huy chương cho các nam, nữ diễn viên, chứ không phải chỉ trao giải cho các vở diễn. Nhưng hiện cũng có những lo ngại mới nảy sinh: Theo *Tuyển tập chèo* của Hà Văn Cầu, cả thầy chỉ có bảy vở chèo có nổi tiếng.

Thêm nữa, có một nghịch lý đang tồn tại khi hình thức nghệ thuật này được truyền lại. Các diễn viên tên tuổi là những người chịu trách nhiệm đào tạo, nhưng một số trong những người đó lại cảm thấy khó có thể phát hiện được những tài năng trẻ và không tin những người kế tục trẻ tuổi có thể khắc họa được cái tinh túy của chèo. Và, sau đó, theo một sự thay đổi mới đây, các đoàn chèo vốn là độc lập bị sáp nhập vào các đoàn kịch nói và múa.

“Xu hướng này là không thể tránh khỏi” – ông Văn Sửu, cán bộ Cục Nghệ thuật Biểu diễn thuộc Bộ Văn hóa Thông tin, nói – “Nhà hát không có sức mạnh nổi trội hay địa điểm thuận lợi – ngay cả Nhà hát Chèo Việt Nam đóng tại Hà Nội, địa điểm tốt nhất trong cả nước – cũng chỉ có thể tồn tại được bằng cách lưu diễn như một gánh hát lưu động thời trước.”

Đoàn chèo Quảng Ninh đóng gần Vịnh Hạ Long tìm cách tồn tại bằng cách biểu diễn các bài dân ca quan họ và những bài hát tiếng Hoa cho du khách, chủ yếu là du khách từ nước láng giềng Trung Quốc, thay vì biểu diễn chèo. Một số diễn viên xin ra khỏi đoàn để hát chèo cho các buổi biểu diễn rời tại một công viên bên bãi biển.

Vì cả chính quyền và cộng đồng đều cố gắng chấn hưng môn nghệ thuật này, nên hy vọng sân khấu chèo khắp cả nước sẽ dần dần khởi sắc.

The Ministry of Culture and Information plans to hold *chèò* festivals every five years and to offer medals to actors or actresses rather than to award plays. But now more worries arise: According to Hà Văn Cầu's *Collection of Classical Chèo*, there are only seven famous classical *chèò* plays.

What's more, a paradox exists as the art form is passed down. Senior actors are the trainers, yet some find it hard to recognise young talents and do not believe their young successors can portray the essence of *chèò*. And then, in a recent shift, formerly independent *chèò* groups have merged with dancing and spoken drama groups.

"This tendency is inevitable," Văn Sử, from the Department of Performing Arts in the Ministry of Culture and Information, said. "Theatres without a particular strength or a favourable neighbourhood – even the Hà Nội-based Việt Nam *Chèo* Theatre, the one best known in the country – can survive only by travelling like a mobile troupe of the past."

The Quảng Ninh *Chèo* Troupe based near Hạ Long Bay manages by singing *quan họ* folk songs and Chinese-language songs for tourists, mostly from neighbouring China, instead of giving *chèò* shows. Some actors have quit the troupe to sing *chèò* for puppet shows at a beach park.

As both the government and the community try to revive this art, *chèò* stages across the country will hopefully light up more regularly.

Nhiệm vụ của Nhà hát Chèo Việt Nam là gì?

Nhà hát Chèo Việt Nam, thành lập năm 1951, có nhiệm vụ phục hồi chèo truyền thống và phát triển chèo hiện đại. Với gần 120 cán bộ, đoàn đã trình diễn khắp Việt Nam và cả ở nước ngoài. Các buổi diễn chèo trên sân khấu nước ngoài đã thu hút rất đông khán giả ở Trung Quốc, Mông Cổ, Ba Lan, Nga, Bungari, Đức, Pháp, Italia, Bỉ, Singapo và Malaysia.

Hai sự kiện đáng nhớ trong lịch sử của nhà hát là: Năm 1985, đơn vị trình diễn vở *Vòng phản Caucasia* của Bertolt Brecht tại Liên hoan Opera quốc tế ở Berlin; năm 1994, đơn vị nhận được một giải thưởng Việt Nam-Đức.

Chính phủ Việt Nam đã công nhận những thành tựu của Nhà hát Chèo Việt Nam bằng việc trao tặng đơn vị hai Huân chương Độc lập (hạng nhì và hạng ba) và nhiều phần thưởng cao quý khác.



What is the mission of the Việt Nam Chèo Theatre Company?

The mission of the Việt Nam Chèo Theatre Company, which was established in 1951, is to restore traditional *chèo* and develop modern *chèo*. With its nearly 120 members, the company has played widely in Việt Nam and abroad. *Chèo* performances on foreign stages have taken audiences by storm in China, Mongolia, Poland, Russia, Bulgaria, Germany, France, Italy, Belgium, Singapore, and Malaysia.

Two memorable events took place in the history of the company: In 1985, it performed Bertolt Brecht's *The Caucasian Chalk Circle* at the International Opera Festival in Berlin; in 1994, it received a Việt Nam-Germany prize.

The Vietnamese Government has recognised the Việt Nam Chèo Theatre Company's achievements by awarding it two Independence Orders (Second Class and Third Class) and various other honours.



TỪ VỰNG

GLOSSARY

bài dân ca
bẻ làn nân điệu

folk poem (n)
to modify songs,
dramatic changes in lyric
and melody (v, n)

bộ gõ
buổi biểu diễn

percussion (n)
performance (n)

cách điệu hóa
cải biên
câu lạc bộ chèo
chèo hiện đại
chèo truyền thống
chiếu chèo
chuẩn hóa
chũm chọe
chuyên nghiệp

to stylize (v)
to adapt (v)
chèo club (n)
modernized *chèo* (n)
traditional *chèo* (n)
village troupe (n)
to standardize (v)
cymbals (n)
professional (adj)

dân ca
dàn nguyệt
đạo diễn

folksongs (n)
double-stringed lute (n)
director (n)

đào lãng
đạo cụ
đế

flirtatious woman (n)
props (n)
to participate in the
action (v)

điệu bộ
đoàn chèo
động tác cơ bản

gesture (n)
chèo company (n)
basic movements (n)

gánh hát
giáo đầu
giọng đồng

troupe (n)
prelude (n)
copper voice (n)

giọng thổ	earth voice (n)
giọng kim	metal voice (n)
giữ nhịp	to maintain the rhythm (v)
hề	buffoon (n)
hề mỗi	buffoon dancing without a stick (n)
hề gậy	buffoon dancing with a stick (n)
khán giả	audience (n)
kịch hát	sung drama (n)
kịch hát dân tộc	traditional opera (n)
kỹ thuật kịch	dramatic technique (n)
làn điệu chèo	<i>chèo</i> air (n)
lấy hơi	to breath (v)
liên hoan chèo	<i>chèo</i> festival (n)
loại hình sân khấu	form of theatre (n)
lời nói	speech (n)
lưu diễn	to travel and perform (v)
mảnh trò	scene (n)
mõ	wooden tocsin (n)
múa dân gian	folk dance (n)
múa rối nước	water puppetry (n)
nhà biên kịch	playwright, dramatist (n)
nhạc công	musician (n)
nói	to speak (v)
ngâm	to recite rhythmically (v)
nghệ nhân bậc thầy	master-artist (n)
nghệ sĩ	artist (n)
nghệ thuật sân khấu truyền thống	traditional theatrical art (n)

nghiệp dư	amateur (adj)
nhạc đệm	accompaniment (n)
nhạc cụ dây	string instrument (n)
nhân vật	character (n)
nhân vật phụ	minor character (n)
nhân vật trào phúng	satiric character (n)
phiên bản	version (n)
phông	backdrop (n)
phương pháp kể	narrative method (n)
rap hát	tent theatre (n)
sáo	bamboo flute (n)
tam thập lục	hammer dulcimer (n)
thanh la	gong (n)
thanh tướng	physical characteristics (n)
thân trò	body of the play (n)
thập lục	sixteen-stringed zither (n)
thiết kế sân khấu	stage designer (n)
tiêu	flute (n)
tính trữ tình	lyricism (n)
tính kịch	dramatics (n)
trang phục	costumes (n)
trào lộng	satire (n)
trích đoạn	excerpt (n)
trò nhại	mimetic skit (n)
trống	drum (n)
trống cái	large drum (n)
trống chèo	chèo drum (n)
trống con	small drum (n)
trống cơm	horizontal cylinder-like drum (n)
truyền nghề	to pass on (v)
trữ tình	romance (n)

tự sự	narrative (adj)
ứng diễn	to improvise (v)
ước lệ	conventional (adj)
vai	role (n)
vai lệch	villain (n)
vai nữ chín	good character (n)
vai phụ	supporting character (n)
vở diễn	play (n)

**NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI
THẾ GIỚI PUBLISHERS**

46 Trần Hưng Đạo. Hà Nội. Việt Nam

Tel: 84-4-8253841

Fax: 84-4-8269578

Email: thegioi@hn.vnn.vn

**CHÈO
POPULAR THEATRE**

Chịu trách nhiệm xuất bản (Director of Publication)
Trần Đoàn Lâm

Họa sĩ thiết kế (Designers)
Lê Bích Thủy
Ngô Thế Quân

In 1500 bản, khổ 10 x18 cm. Tại xưởng in Nhà xuất bản Thế Giới . Giấy chấp nhận đăng ký xuất bản số 72-2008/CXB / 153-255 / ThG, cấp ngày 6/5/2008 .
In xong và nộp lưu chiểu quý II -2008

Nhà văn hóa Hữu Ngọc và nhà văn Mỹ Lady Borton mang đến cho chúng ta xê-ri sách song ngữ đầu tiên về văn hóa Việt Nam. Mười cuốn sách này phù hợp cho người Việt Nam học tiếng Anh cũng như người nước ngoài học tiếng Việt.

Nhà văn hóa Hữu Ngọc là tác giả của nhiều cuốn sách và bài báo nói về văn hóa Việt Nam, đã từng viết cuốn *Sổ tay người dịch tiếng Anh*. Nhà văn Lady Borton là tác giả của cuốn sách *Tiếp sau nỗi buồn: Một người Mỹ giữa làng quê Việt Nam*, và đã từng là "Người đương thời" trên VTV3.

Cultural scholar Hữu Ngọc and American writer Lady Borton have brought us the first series of bilingual handbooks on Vietnamese culture. These ten books are suitable for Vietnamese studying English and for foreigners studying Vietnamese.

Hữu Ngọc is the author of many books and articles on Vietnamese culture and of *A Handbook for Translators of English*. Lady Borton is the author of *After Sorrow: An American Among the Vietnamese* and was a "Contemporary" on VTV3.

CÁC TÊN SÁCH XUẤT BẢN TRONG NĂM 2004 (TITLES PUBLISHED IN 2004)

- 📖 Tết Nguyên đán (Vietnamese Lunar New Year)
- 📖 Phố cổ Hà Nội (Hà Nội's Old Quarter)
- 📖 Y học cổ truyền (Traditional Medicine)
- 📖 Tết Trung Thu (Mid-Autumn Festival)
- 📖 Chèo (Popular Theatre)
- 📖 Trầu cau (Betel and Areca)
- 📖 Võ dân tộc (Martial Arts)
- 📖 Đồ gốm (Ceramics)
- 📖 Hội họa Việt Nam hiện đại (Early Modern Vietnamese Painting)
- 📖 Thi cử Nho giáo (Royal Examination)



2908080000028

9,500

Clà

Giá: 9.500đ